Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 14.03.2019 15:48:26 +07:00

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TƯ PHÁP

BỘ TƯ PHÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 109/VBHN-BTP	*Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2019*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự

Thông tư số 02/2017/TT-BTP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 5 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP ngày 23 tháng 3 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự.[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự, gồm các nội dung sau:

1. Tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Cục Thi hành án dân sự), Chi cục Thi hành án dân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chi cục Thi hành án dân sự).

2. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các cơ quan thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự (sau đây gọi là lãnh đạo cấp vụ thuộc Tổng cục); lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự, lãnh đạo các phòng chuyên môn hoặc tương đương thuộc Cục Thi hành án dân sự (sau đây gọi là lãnh đạo cấp phòng thuộc Cục); lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự.

3. Nguyên tắc, điều kiện, nội dung, hình thức và quy trình tổ chức thi tuyển vào ngạch Chấp hành viên sơ cấp các cơ quan thi hành án dân sự; hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Chấp hành viên không qua thi tuyển trong một số trường hợp quy định tại các khoản 6, 7 Điều 18 Luật thi hành án dân sự; trình tự, thủ tục bổ nhiệm Thẩm tra viên thi hành án dân sự.

4. Mẫu, màu sắc, nguyên tắc cấp phát, sử dụng trang phục; nguyên tắc cấp phát, sử dụng phù hiệu, cấp hiệu của Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án, công chức khác, viên chức và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi chung là người làm công tác thi hành án dân sự) đang làm việc tại Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự; mẫu, nguyên tắc cấp phát, thay đổi và thu hồi thẻ Chấp hành viên, thẻ Thẩm tra viên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan quản lý thi hành án dân sự bao gồm: Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp, Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.

2. Cơ quan thi hành án dân sự bao gồm: Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện và Phòng Thi hành án cấp quân khu.

3. Công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan quản lý thi hành án dân sự và cơ quan thi hành án dân sự.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. "Nhân sự tại chỗ" quy định tại Thông tư này bao gồm những công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan, đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tại thời điểm thực hiện quy trình bổ nhiệm.

2. "Nhân sự từ cơ quan khác" quy định tại Thông tư này bao gồm những công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan, đơn vị bên ngoài cơ quan, đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tại thời điểm thực hiện quy trình bổ nhiệm.

Chương II
CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ THUỘC CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 4. Tiêu chuẩn chung[2]

Các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc Cục Thi hành án dân sự và Chi cục Thi hành án dân sự ngoài bảo đảm các tiêu chuẩn riêng cho từng chức danh tương ứng phải bảo đảm các tiêu chuẩn chung sau đây:

1. Về chính trị tư tưởng: Trung thành với lợi ích của Đảng, của quốc gia, dân tộc và nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng. Có lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trong bất cứ tình huống nào, kiên quyết đấu tranh bảo vệ Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Có tinh thần yêu nước nồng nàn, đặt lợi ích của Đảng, quốc gia - dân tộc, nhân dân, tập thể lên trên lợi ích cá nhân; sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp của Đảng, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Yên tâm công tác, chấp hành nghiêm sự phân của tổ chức và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

2. Về đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật: Có phẩm chất đạo đức trong sáng; lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, giản dị; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Tâm huyết và có trách nhiệm với công việc; không tham vọng

quyền lực, không háo danh; có tinh thần đoàn kết, xây dựng, gương mẫu, thương yêu đồng chí, đồng nghiệp. Bản thân không tham nhũng, quan liêu, cơ hội, vụ lợi và tích cực đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, lợi ích nhóm, nói không đi đôi với làm; công bằng, chính trực, trọng dụng người tài, không để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi. Tuân thủ và thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình.

3. Về trình độ: Có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước; trình độ tin học, ngoại ngữ cần thiết và phù hợp.

4. Về năng lực và uy tín: Có tư duy đổi mới, có tầm nhìn chiến lược, phương pháp làm việc khoa học sáng tạo, năng động, quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ; có năng lực tổng hợp, phân tích và dự báo. Có khả năng phát hiện những mâu thuẫn, thách thức, thời cơ, thuận lợi, vấn đề mới, khó và những hạn chế, bất cập trong thực tiễn; mạnh dạn đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, khả thi, hiệu quả để phát huy, thúc đẩy hoặc tháo gỡ. Có năng lực thực tiễn, nắm chắc và hiểu biết cơ bản tình hình thực tế để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực, địa bàn công tác được phân công; cần cù, chịu khó, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và vì nhân dân phục vụ. Có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo; gương mẫu, quy tụ đoàn kết nội bộ và phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể, cá nhân; có trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý; được cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân tin tưởng, tín nhiệm.

5. Về sức khỏe, độ tuổi và kinh nghiệm: Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định; có kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý.

Điều 5. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự

1. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự là Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, chịu trách nhiệm trước Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự và trước pháp luật trong việc lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Cục Thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật; bảo đảm để Cục Thi hành án dân sự hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự có các nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật thi hành án dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các đơn vị thuộc Cục trong việc tổ chức triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Thi hành án dân sự; quản lý, chỉ đạo công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính trên địa bàn; thực hiện nhiệm vụ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định của pháp luật;

c) Tổng kết thực tiễn công tác quản lý của đơn vị, kiến nghị và tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện cơ chế quản lý cũng như cơ chế chính sách quản lý các hoạt động của đơn vị;

d) Lãnh đạo đơn vị tổ chức thực hiện các chủ trương, đề án, kế hoạch, chương trình công tác; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được giao;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự và phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

2. Tiêu chuẩn chức danh bao gồm:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh theo quy định của Luật thi hành án dân sự, khoản 2 Điều 72 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP và quy định khác có liên quan;

b) Đã tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc tương đương;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với những công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số, có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền hoặc công chức là người dân tộc thiểu số đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số thì không bắt buộc phải có tiêu chuẩn ngoại ngữ nêu trên;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành của Bộ Thông tin và Truyền thông;

đ)[3] Đã từng đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự, trừ trường hợp là nhân sự ngoài cơ quan thi hành án dân sự được tiếp nhận và bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự hoặc đang là Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự được bổ nhiệm trước ngày Thông tư số 13/2013/TT-BTP ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 11 năm 2013).

Điều 6. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự

1. Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự là Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, giúp Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự phụ trách, chỉ đạo một

số mặt công tác của đơn vị; thay mặt Cục trưởng điều hành công việc của Cục khi được ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo phân công hoặc ủy quyền của Cục trưởng;

b) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuộc Cục, Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc Cục thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực được phân công phụ trách;

c) Tham mưu, đề xuất với Cục trưởng các chủ trương, biện pháp quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý của Cục trưởng;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Cục trưởng và theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn chức danh bao gồm:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn của Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh theo quy định của Luật thi hành án dân sự, khoản 2 Điều 72 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP và quy định khác có liên quan;

b) Các tiêu chuẩn quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

c)[4] Đã từng đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự, trừ trường hợp là nhân sự ngoài các cơ quan thi hành án dân sự.

Điều 7. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Chánh Văn phòng

1. Chánh Văn phòng là người đứng đầu Văn phòng Cục, có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành Văn phòng Cục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định; chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự và trước pháp luật đối với các hoạt động của Văn phòng. Chánh Văn phòng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Tổ chức quản lý, chỉ đạo, điều hành công việc của Văn phòng;

b) Phân công công việc đối với các Phó Chánh Văn phòng, công chức, người lao động thuộc Văn phòng; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được giao đối với công chức, người lao động thuộc quyền quản lý;

c) Tổ chức phối hợp công tác với các phòng chuyên môn hoặc tương đương thuộc Cục, các Chi cục Thi hành án dân sự trên địa bàn;

d) Tham mưu giúp Cục trưởng phối hợp công tác với các cơ quan, ban, ngành hữu quan; đôn đốc, chỉ đạo tổng hợp việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, nội quy, quy chế của Cục;

đ) Kiểm soát việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với công chức, người lao động thuộc Văn phòng trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị;

e) Giúp Cục trưởng quản lý việc chấp hành thời gian làm việc và nội quy, quy chế của cơ quan;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Thủ trưởng đơn vị.

2. Tiêu chuẩn chức danh bao gồm:

a) Có trình độ cử nhân luật trở lên;

b) Đang ở ngạch Chuyên viên hoặc tương đương trở lên;

c) Có trình độ trung cấp lý luận chính trị hoặc tương đương trở lên;

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với những công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số, có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền hoặc công chức là người dân tộc thiểu số đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số thì không bắt buộc phải có tiêu chuẩn ngoại ngữ nêu trên;

đ) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành của Bộ Thông tin và Truyền thông;

e)[5] ***(được bãi bỏ).***

Điều 8. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Phó Chánh Văn phòng

1. Phó Chánh Văn phòng giúp Chánh Văn phòng phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Chánh Văn phòng, chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng và trước pháp luật về các lĩnh vực công tác được phân công. Phó Chánh Văn phòng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo phân công hoặc ủy quyền của Chánh Văn phòng;

b) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công chức, người lao động thuộc Văn phòng trong việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách;

c) Tham mưu, đề xuất với Chánh Văn phòng các biện pháp, giải pháp trong tổ chức, điều hành công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công hoặc ủy quyền của Chánh Văn phòng.

2. Tiêu chuẩn chức danh bao gồm:

a) Có trình độ cử nhân luật trở lên hoặc cử nhân, sau đại học chuyên ngành phù hợp với công tác văn phòng;

b) Các tiêu chuẩn quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Điều 9. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự

1. Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự là người đứng đầu, có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định; chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự và trước pháp luật đối với các hoạt động của Phòng. Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Tổ chức quản lý, chỉ đạo, điều hành công việc của Phòng;

b) Phân công công việc đối với các Phó Trưởng phòng và công chức thuộc Phòng; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các công chức thuộc quyền quản lý;

c) Tổ chức phối hợp công tác với các phòng chuyên môn hoặc tương đương thuộc Cục, các Chi cục Thi hành án dân sự trên địa bàn;

d) Tham mưu cho Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự trong việc bảo đảm áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật trong hoạt động thi hành án dân sự; chỉ đạo hoạt động thi hành án dân sự đối với cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện; hướng dẫn nghiệp vụ thi hành án dân sự cho Chấp hành viên, công chức khác của cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn; tổ chức thi hành bản án, quyết định thuộc thẩm quyền của Cục Thi hành án dân sự; tổ chức lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự;

đ) Tham mưu cho Cục trưởng phối hợp công tác với các cơ quan, ban, ngành hữu quan trong công tác thi hành án dân sự; tham mưu phối hợp với cơ quan Công an trong việc lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm chấp hành hình phạt tù và đặc xá cho người có nghĩa vụ thi hành án dân sự đang chấp hành hình phạt tù theo quy định của pháp luật;

e) Kiểm soát việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị đối với công chức thuộc Phòng trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Thủ trưởng đơn vị và theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn chức danh bao gồm:

a) Là Chấp hành viên trung cấp trở lên;

b) Các tiêu chuẩn quy định tại điểm c, d, đ khoản 2 Điều 7 Thông tư này;

c) Đã từng đảm nhiệm chức vụ Chi cục trưởng hoặc Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự.

3. Đối với các Cục Thi hành án dân sự có từ 02 phòng nghiệp vụ thi hành án trở lên, chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của các Trưởng phòng Phòng nghiệp vụ thi hành án áp dụng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

Điều 10. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Phó Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự

1. Phó Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự giúp Trưởng phòng phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các lĩnh vực công tác được phân công. Phó Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo phân công hoặc ủy quyền của Trưởng phòng;

b) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công chức thuộc Phòng trong việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách;

c) Tham mưu, đề xuất với Trưởng phòng các biện pháp, giải pháp trong tổ chức, điều hành công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công hoặc ủy quyền của Trưởng phòng.

2. Tiêu chuẩn chức danh bao gồm:

a) Là Chấp hành viên sơ cấp trở lên;

b) Các tiêu chuẩn quy định tại các điểm c, d, đ khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

3. Đối với các Cục Thi hành án dân sự có từ 02 phòng nghiệp vụ thi hành án trở lên, chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của các Phó Trưởng phòng Phòng nghiệp vụ thi hành án áp dụng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

Điều 11. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Trưởng phòng Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Trưởng phòng Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo là người đứng đầu, có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định; chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự và trước pháp luật đối với các hoạt động của Phòng. Trưởng phòng Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c, e, g khoản 1 Điều 9 Thông tư này;

b) Tham mưu cho Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự kiểm tra công tác thi hành án dân sự đối với cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện; kiểm tra nội bộ về công tác thi hành án dân sự tại Cục Thi hành án dân sự; tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật; kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật không phù hợp với thực tiễn.

2. Tiêu chuẩn chức danh bao gồm:

a) Là Thẩm tra viên chính hoặc Chấp hành viên trung cấp trở lên;

b) Các tiêu chuẩn quy định tại các điểm c, d, đ khoản 2 Điều 7 Thông tư này;

c) Đã từng đảm nhiệm chức vụ Chi cục trưởng hoặc Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự.

Điều 12. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Phó Trưởng phòng Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Phó Trưởng phòng Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo giúp Trưởng phòng phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các lĩnh vực công tác được phân công. Phó Trưởng phòng Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

2. Tiêu chuẩn chức danh bao gồm:

a) Là Thẩm tra viên hoặc Chấp hành viên sơ cấp trở lên;

b) Các tiêu chuẩn quy định tại các điểm c, d, đ khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Điều 13. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ

1. Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ là người đứng đầu, có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành Phòng Tổ chức cán bộ thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định; chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự và trước pháp luật đối với các hoạt động của Phòng. Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c, e, g khoản 1 Điều 9 Thông tư này;

b) Tham mưu cho lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự trong công tác tổ chức cán bộ của Cục và các Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự và theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn chức danh bao gồm tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Điều 14. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ

1. Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ giúp Trưởng phòng phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các lĩnh vực công tác được phân công. Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ thực hiện các nhiệm vụ tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

2. Tiêu chuẩn chức danh bao gồm:

a) Có trình độ cử nhân luật trở lên hoặc cử nhân, sau đại học chuyên ngành phù hợp với công tác tổ chức cán bộ;

b) Các tiêu chuẩn quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Điều 15. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán

1. Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán là người đứng đầu, có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành Phòng Tài chính - Kế toán thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định; chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự và trước pháp luật đối với các hoạt động của Phòng. Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c, e, g khoản 1 Điều 9 Thông tư này;

b) Tham mưu cho lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự trong công tác tài chính, kế toán của Cục và các Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự và theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn chức danh bao gồm:

a) Có trình độ đại học hoặc sau đại học chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán;

b) Là Kế toán trưởng đang giữ ngạch Kế toán viên hoặc tương đương trở lên;

c) Các tiêu chuẩn quy định tại các điểm c, d, đ khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Điều 16. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Phó Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán

1. Phó Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán giúp Trưởng phòng phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các lĩnh vực công tác được phân công. Phó Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán thực hiện các nhiệm vụ tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

2. Tiêu chuẩn chức danh:

a) Đang giữ ngạch Kế toán viên hoặc tương đương trở lên;

b) Các tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 và các điểm c, d, đ khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Điều 17. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự

1. Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự là Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự và trước pháp luật trong việc lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động

của Chi cục Thi hành án dân sự; bảo đảm để Chi cục Thi hành án dân sự hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Chi cục trưởng có các nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật thi hành án dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện đơn vị trong việc tổ chức triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện phân công, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công chức, người lao động hoàn thành nhiệm vụ;

d) Lãnh đạo đơn vị tổ chức thực hiện các chủ trương, đề án, kế hoạch, chương trình công tác; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được giao;

đ) Trên cơ sở thực tiễn công tác, đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự ở địa phương;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, theo chỉ đạo của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự và phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

2. Tiêu chuẩn chức danh:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện theo quy định của Luật thi hành án dân sự, khoản 1 Điều 72 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP và quy định khác có liên quan;

b) Các tiêu chuẩn quy định tại các điểm c, d, đ khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Điều 18. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của chức danh Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự

1. Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự là Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện, giúp Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự phụ trách, chỉ đạo một số mặt công tác của đơn vị; thay mặt Chi cục trưởng điều hành công việc của Chi cục khi được ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo phân công hoặc ủy quyền của Chi cục trưởng;

b) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công chức, người lao động thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực được phân công phụ trách;

c) Tham mưu, đề xuất với Chi cục trưởng các chủ trương, biện pháp quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý của Chi cục trưởng;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chi cục trưởng.

2. Tiêu chuẩn chức danh bao gồm:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn của Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện theo quy định của Luật thi hành án dân sự, khoản 1 Điều 72 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP và quy định khác có liên quan;

b) Các tiêu chuẩn quy định tại các điểm c, d, đ khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Chương III
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 19. Nguyên tắc và trách nhiệm bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm[6]

1. Bảo đảm phù hợp với các quy định của Đảng và quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, sự lãnh đạo thống nhất của Đảng trong công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ với Ban Thường vụ cấp ủy cấp tỉnh và Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện trong việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với lãnh đạo Cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý cán bộ.

3. Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh lãnh đạo, quản lý.

4. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển của đội ngũ công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

5. Cá nhân, tập thể đề xuất, cơ quan tham mưu, cơ quan thẩm định, tập thể quyết định về cán bộ theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về đề xuất, tham mưu, thẩm định, quyết định của mình.

Điều 20. Nguồn nhân sự bổ nhiệm và tuổi bổ nhiệm

1. Nhân sự bổ nhiệm, được giới thiệu bổ nhiệm phải có trong quy hoạch chức danh dự kiến bổ nhiệm; trường hợp cần thiết được chọn nhân sự trong quy hoạch các chức danh tương đương nhưng phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đồng ý.

Trường hợp đặc biệt, do nhân sự tại chỗ không đáp ứng yêu cầu để bổ nhiệm vào các vị trí còn thiếu, phải lựa chọn nhân sự từ cơ quan khác chưa có trong quy hoạch chức danh dự kiến bổ nhiệm thì phải được sự đồng ý về chủ trương của

Bộ trưởng Bộ Tư pháp (đối với Lãnh đạo các đơn vị thuộc Tổng cục và Lãnh đạo các Cục Thi hành án dân sự), của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự (đối với lãnh đạo cấp Phòng thuộc Cục, lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự) trước khi bổ nhiệm.

2. Nhân sự được đề nghị bổ nhiệm lần đầu vị trí lãnh đạo, quản lý phải đáp ứng yêu cầu về độ tuổi bổ nhiệm theo đúng quy định của Đảng, Nhà nước, các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Thông tư này.

Điều 21. Thời hạn giữ chức vụ[7]

1. Thời hạn giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cho mỗi lần bổ nhiệm, bổ nhiệm lại là 05 năm tính từ ngày bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và được ghi trong quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.

2. Thời gian công chức, viên chức được giao quyền cấp trưởng, phụ trách đơn vị không được tính vào thời hạn bổ nhiệm.

3. Đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ mới, thời hạn giữ chức vụ tính từ ngày được bổ nhiệm chức vụ mới.

4. Trường hợp thay đổi chức vụ lãnh đạo, quản lý do thay đổi tên gọi tổ chức, thời hạn giữ chức vụ tính từ ngày được bổ nhiệm chức vụ cũ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý khi hết thời hạn bổ nhiệm, tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn từ đủ 02 năm đến dưới 05 năm công tác, nếu được bổ nhiệm lại, thì thời hạn giữ chức vụ được tính đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

6. Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý khi hết thời hạn bổ nhiệm, tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 02 năm công tác thì không phải tiến hành quy trình bổ nhiệm lại. Trường hợp này, tập thể lãnh đạo đơn vị đánh giá điều kiện, tiêu chuẩn và kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ của công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, trao đổi với cấp ủy theo quy định tại Thông tư này để quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu.

7. Công chức đã giữ chức vụ cấp trưởng 02 nhiệm kỳ liên tiếp thì chuyển đổi vị trí đến đơn vị khác. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định.

Điều 22. Đánh giá công chức, viên chức[8]

1. Khi xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo, quản lý, cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện việc đánh giá công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.

2. Đánh giá công chức, viên chức để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo các nội dung sau:

a) Mức độ thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ được giao trong 03 năm liên tiếp tính đến thời điểm đề xuất (đối với bổ nhiệm mới) và trong nhiệm kỳ (đối với bổ nhiệm lại) về: Khối lượng, chất lượng, tiến độ, hiệu quả công việc trong từng vị trí, từng thời gian, tinh thần trách nhiệm trong công tác.

b) Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống: Nhận thức, tư tưởng chính trị, việc chấp hành chủ trương, đường lối, quy chế, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế của đơn vị; việc giữ gìn đạo đức và lối sống lành mạnh, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và những biểu hiện tiêu cực khác; tinh thần học tập, nâng cao trình độ, tính trung thực, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự phê bình và phê bình; tinh thần đoàn kết, mối quan hệ trong công tác, tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân, khả năng quy tụ quần chúng.

c) Mức độ phù hợp về chuyên môn được đào tạo, kinh nghiệm công tác và kiến thức thực tiễn với vị trí dự kiến bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.

d) Năng lực lãnh đạo, quản lý, chiều hướng và triển vọng phát triển.

Điều 23. Quy định về việc tổ chức các hội nghị lấy ý kiến[9]

1. Hội nghị chỉ được tiến hành khi có tối thiểu 2/3 công chức, viên chức, người lao động thuộc thành phần tham gia dự họp có mặt. Trường hợp người thuộc thành phần tham dự họp vắng mặt thì không được ủy quyền cho người khác dự thay.

2. Trước khi vào hội nghị, chủ trì hội nghị chỉ định một trong số các thành viên tham gia dự họp làm thư ký của hội nghị.

3. Nội dung, kết quả hội nghị phải được lập thành biên bản. Biên bản hội nghị phải phản ánh đầy đủ diễn biến, kết quả của hội nghị, các ý kiến đã phát biểu.

Điều 24. Quy định về việc lấy ý kiến[10]

1. Công chức, viên chức đã hết thời gian tập sự; người lao động làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp đang công tác trong cơ quan, đơn vị được tham gia và bỏ phiếu.

2. Trường hợp một người tham gia nhiều vị trí thuộc thành phần tham gia bỏ phiếu thì khi bỏ phiếu tín nhiệm chỉ được bỏ 01 phiếu.

3. Khi thực hiện lấy phiếu theo phương thức bỏ phiếu kín, phải thành lập ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu do người chủ trì đề xuất và phải được hội nghị biểu quyết thông qua theo hình thức giơ tay.

4. Phiếu lấy ý kiến

a) Phiếu lấy ý kiến được in thành danh sách (xếp thứ tự ABC theo tên nếu có nhiều nhân sự), ghi rõ họ tên, tuổi, chức vụ, đơn vị công tác; phần lấy ý kiến có 2 cột: Đồng ý và không đồng ý để người tham gia đánh dấu (X) vào ô mà mình chọn,

ngoài ra có chỗ để người tham gia bỏ phiếu ghi ý kiến khác, giới thiệu nhân sự khác; có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và đóng dấu treo (vào góc trái của phiếu) của đơn vị (nếu đơn vị có dấu);

b) Phiếu hợp lệ là phiếu do ban kiểm phiếu phát ra, có số lượng đồng ý và giới thiệu thêm (nếu có) không quá số lượng được bổ nhiệm;

Trường hợp người bỏ phiếu đánh dấu vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý hoặc không đánh dấu vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý thì không tính kết quả phiếu của người được đánh dấu hoặc không được đánh dấu nhưng phiếu vẫn được tính là hợp lệ;

c) Phiếu không hợp lệ là phiếu không do ban kiểm phiếu phát ra, phiếu có số lượng đồng ý và giới thiệu thêm (nếu có) nhiều hơn số lượng được bổ nhiệm;

d) Phiếu sau khi kiểm và lập biên bản được niêm phong, lưu giữ theo chế độ tài liệu mật tại đơn vị tham mưu công tác cán bộ của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm trước khi được lưu trữ theo quy định.

5. Cách tính kết quả phiếu

Tỷ lệ phiếu đồng ý bổ nhiệm được quy đổi ra phần trăm (%) theo tỷ lệ số phiếu tín nhiệm đồng ý trên số phiếu hợp lệ.

6. Việc công bố hoặc không công bố kết quả lấy phiếu được thông báo công khai trước khi bỏ phiếu.

7. Kết quả phiếu lấy ý kiến có giá trị tham khảo và là một trong những căn cứ để xem xét nhưng không phải là căn cứ duy nhất và chủ yếu để quyết định bổ nhiệm cán bộ.

Điều 25. Báo cáo lãnh đạo Bộ khi thực hiện quy trình công tác cán bộ

Trường hợp nhân sự thuộc đối tượng phải báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp theo quy định tại Thông tư này, đơn vị chủ trì thực hiện quy trình báo cáo Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực thi hành án dân sự cho ý kiến trước khi trình Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định.

Mục 2
BỔ NHIỆM LÃNH ĐẠO TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 26. Quy trình bổ nhiệm lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự[11]

1. Xác định nhu cầu, chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác, nguồn bổ nhiệm

Căn cứ nhu cầu công tác, cơ cấu, số lượng lãnh đạo đơn vị, sau khi trao đổi, thống nhất trong lãnh đạo đơn vị về nhu cầu bổ nhiệm, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự trao đổi với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp, xin ý

kiến Lãnh đạo Bộ phụ trách và Bộ trưởng trước khi tổ chức họp liên tịch giữa Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự, Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội của Tổng cục Thi hành án dân sự để thảo luận thống nhất số lượng, dự kiến phân công công tác đối với chức vụ đề nghị bổ nhiệm, rà soát, đánh giá nhân sự trong quy hoạch Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự, trình Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp (qua Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp) xem xét phê duyệt chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác, nguồn bổ nhiệm.

Trường hợp cần thiết hoặc đơn vị không chủ động đề xuất, Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp rà soát, báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách, Bộ trưởng trước khi trình Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp phê duyệt chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác, nguồn bổ nhiệm.

2. Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự (lần 1)

- Thành phần: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự và Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Bộ Tư pháp (đối với bổ nhiệm Tổng cục trưởng); Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự (đối với bổ nhiệm Phó Tổng cục trưởng).

- Nội dung: Thảo luận, thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự.

b) Bước 2: Hội nghị lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự mở rộng

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo Tổng cục, Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục, Vụ trưởng và tương đương thuộc Tổng cục, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp cùng tham dự hội nghị.

Hội nghị được tổ chức với hình thức tập trung hoặc trực tuyến. Trường hợp tổ chức Hội nghị trực tuyến thì việc gửi phiếu và kiểm phiếu được thực hiện theo chế độ mật, bảo mật danh tính người gửi phiếu và kết quả kiểm phiếu.

- Chủ trì: Lãnh đạo Bộ Tư pháp (đối với bổ nhiệm Tổng cục trưởng); Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự (đối với bổ nhiệm Phó Tổng cục trưởng).

- Nội dung: Thảo luận, thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nguồn nhân sự; tiến hành lấy phiếu phát hiện, giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp chỉ giới thiệu 01 người cho một chức danh trong số nhân sự trong quy hoạch hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Người có số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp có từ 02 vị trí bổ nhiệm trở lên thì chọn người có trên 50% số phiếu giới thiệu từ trên xuống cho đến hết số lượng cần bổ nhiệm.

Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn 02 người có số phiếu giới thiệu cao nhất từ trên xuống để giới thiệu cho mỗi chức danh ở các bước tiếp theo (trường hợp có từ 02 vị trí bổ nhiệm trở lên thì chọn nhiều hơn số dự kiến bổ nhiệm ít nhất 01 người).

Kết quả kiểm phiếu không công bố ở Hội nghị này.

c) Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự (lần 2)

- Thành phần: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Bộ Tư pháp (đối với việc bổ nhiệm Tổng cục trưởng); Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự (đối với việc bổ nhiệm Phó Tổng cục trưởng).

- Nội dung: Trên cơ sở xem xét kết quả giới thiệu nhân sự của Hội nghị lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự mở rộng; căn cứ cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ, khả năng đáp ứng của cán bộ, tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự tiến hành thảo luận, giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp chỉ giới thiệu 01 người cho 01 chức danh trong số nhân sự được giới thiệu ở Hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự mở rộng hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Thực hiện như bước 2.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

Trường hợp kết quả giới thiệu của Hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự khác với kết quả phát hiện, giới thiệu nhân sự ở bước 2 thì Tổng cục Thi hành án dân sự phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp báo cáo, giải trình rõ với Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, cho ý kiến chỉ đạo trước khi tiến hành bước tiếp theo.

d) Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến cán bộ chủ chốt

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự, Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự, lãnh đạo cấp Vụ thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp cùng tham dự hội nghị.

Hội nghị được tổ chức với hình thức tập trung hoặc trực tuyến. Trường hợp tổ chức Hội nghị trực tuyến thì việc gửi phiếu và kiểm phiếu được thực hiện theo chế độ mật, bảo mật danh tính người gửi phiếu và kết quả kiểm phiếu.

- Chủ trì: Lãnh đạo Bộ Tư pháp (đối với bổ nhiệm Tổng cục trưởng); Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự (đối với bổ nhiệm Phó Tổng cục trưởng).

- Nội dung: Trao đổi, thảo luận về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của đơn vị và khả năng đáp ứng của cán bộ; thông báo danh sách nhân sự do tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự giới thiệu (tại bước 3); tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, triển vọng phát triển; dự kiến phân công công tác; nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm trình bày chương trình hành động nếu được bổ nhiệm (nếu có) và trả lời những vấn đề có liên quan trước khi bỏ phiếu; lấy ý kiến bằng phiếu kín của cán bộ chủ chốt về nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm.

Kết quả kiểm phiếu không công bố tại Hội nghị này.

đ) Bước 5: Tổng cục Thi hành án dân sự có văn bản đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự cho ý kiến bằng văn bản đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm và đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

e) Bước 6: Hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự (lần 3).

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Bộ Tư pháp (đối với bổ nhiệm Tổng cục trưởng); Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự (đối với bổ nhiệm Phó Tổng cục trưởng).

- Nội dung: Thảo luận, phân tích kết quả phiếu tại các hội nghị và ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự; xác minh, kết luận những vấn đề mới phát sinh (nếu có); biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

- Nguyên tắc lựa chọn: Người có số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn đề nghị bổ nhiệm. Trường hợp có từ 02 vị trí bổ nhiệm trở lên thì chọn người có trên 50% số phiếu giới thiệu từ trên xuống cho đến hết số lượng cần bổ nhiệm. Trường hợp có 02 nhân sự có số phiếu ngang nhau (50%) thì lựa chọn nhân sự do Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự giới thiệu để đề nghị bổ nhiệm và báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau (nếu có) để Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định.

Đối với bổ nhiệm Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, trường hợp có 02 nhân sự có số phiếu ngang nhau (50%) thì Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách và Bộ trưởng cho ý kiến trước khi báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định.

Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ bổ nhiệm, báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp. Đối với bổ nhiệm Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Tổng cục Thi hành án dân sự gửi hồ sơ về Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp để thẩm định, báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp.

g) Quyết định bổ nhiệm

Căn cứ kết quả thực hiện các bước theo quy trình, Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp (đối với bổ nhiệm Tổng cục trưởng), Tổng cục Thi hành án dân sự (đối với bổ nhiệm Phó Tổng cục trưởng) báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, phê duyệt nhân sự đề nghị bổ nhiệm và có văn bản lấy ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư pháp. Căn cứ ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư pháp, Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp (đối với bổ nhiệm Tổng cục trưởng), Tổng cục Thi hành án dân sự (đối với bổ nhiệm Phó Tổng cục trưởng) báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp thảo luận, kết luận các vấn đề phát sinh (nếu có) hoặc trình Bộ trưởng ký quyết định bổ nhiệm Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự.

Trường hợp bổ nhiệm Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp tham mưu, chuẩn bị hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm. Sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp trình Bộ trưởng ký quyết định bổ nhiệm Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự.

3. Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

a) Đối với nhân sự do Tổng cục Thi hành án dân sự đề xuất

Bước 1: Lãnh đạo Bộ phụ trách (đối với bổ nhiệm Tổng cục trưởng) hoặc Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự (đối với bổ nhiệm Phó Tổng cục trưởng) gặp gỡ nhân sự dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự và lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự về nhân sự dự kiến bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị nơi nhân sự đang công tác để trao đổi và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Lãnh đạo Bộ phụ trách (đối với bổ nhiệm Tổng cục trưởng), Tổng cục trưởng (đối với bổ nhiệm Phó Tổng cục trưởng) chủ trì Hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự để thảo luận, nhận xét, đánh giá và bỏ phiếu về nhân sự đề nghị bổ nhiệm. Nhân sự đạt số phiếu trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp đạt số phiếu giới thiệu là 50% thì Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét việc giới thiệu bổ nhiệm; đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự cho ý kiến bằng văn bản về nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đồng thời báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp đầy đủ các ý kiến khác nhau (nếu có) để xem xét, quyết định.

Bước 3: Tổng cục Thi hành án dân sự hoàn thiện hồ sơ đề nghị bổ nhiệm gửi Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp để báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, phê duyệt nhân sự và có văn bản lấy ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư pháp. Căn cứ ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư pháp, Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, thảo luận, kết luận các vấn đề phát sinh (nếu có) hoặc trình Bộ trưởng ký quyết định bổ nhiệm Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự.

Trường hợp bổ nhiệm Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp tham mưu, chuẩn bị hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm trước khi trình Bộ trưởng ký quyết định.

b) Đối với nhân sự do Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp dự kiến tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm

Bước 1: Lãnh đạo Bộ gặp gỡ nhân sự dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự và lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự về nhân sự dự kiến bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy nơi nhân sự đang công tác để trao đổi và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Tổng cục Thi hành án dân sự hoàn thiện hồ sơ đề nghị bổ nhiệm gửi Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp để báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, phê duyệt nhân sự và có văn bản lấy ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư pháp. Căn cứ ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư pháp, Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp để xem xét, thảo luận, kết luận các vấn đề phát sinh (nếu có) hoặc trình Bộ trưởng ký quyết định bổ nhiệm Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự.

Trường hợp bổ nhiệm Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Vụ Tổ chức cán bộ tham mưu, chuẩn bị hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm trước khi trình Bộ trưởng ký quyết định.

4. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm gồm:

a) Tờ trình đề nghị bổ nhiệm;

b) Các biên bản họp và biên bản kiểm phiếu (kèm phiếu) trong quá trình thực hiện quy trình;

c) Sơ yếu lý lịch nhân sự dự kiến bổ nhiệm (có dán ảnh);

d) Bản kê khai tài sản, thu nhập;

đ) Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp trong thời hạn 06 tháng tính đến thời điểm gửi hồ sơ;

e) Bản tự nhận xét, đánh giá của nhân sự dự kiến bổ nhiệm (đối với nhân sự tại chỗ);

g) Nhận xét, đánh giá của đơn vị nơi nhân sự đang công tác về nhân sự dự kiến bổ nhiệm và việc bổ nhiệm (đối với nguồn nhân sự từ cơ quan khác) hoặc nhận xét, đánh giá của thủ trưởng đơn vị (đối với nguồn nhân sự tại chỗ);

h) Ý kiến của cấp ủy đơn vị có vị trí dự kiến bổ nhiệm;

i) Văn bản kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm của cấp ủy, tổ chức Đảng có thẩm quyền;

k) Nhận xét của đại diện cấp ủy nơi nhân sự dự kiến bổ nhiệm cư trú thường xuyên đối với nhân sự là Đảng viên được đề nghị bổ nhiệm;

l) Bản sao (có chứng thực) các văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ đề nghị bổ nhiệm và các văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có). Trường hợp văn bằng do nước ngoài cấp phải có văn bản công nhận của Cục quản lý chất lượng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Bộ trưởng Bộ Tư pháp tổ chức công bố quyết định bổ nhiệm lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự.

Điều 27. Giao quyền cấp trưởng, giao phụ trách đơn vị

1. Trường hợp chưa có nhân sự đáp ứng yêu cầu bổ nhiệm Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định giao quyền cấp trưởng hoặc giao phụ trách Tổng cục Thi hành án dân sự.

2. Căn cứ Nghị quyết của Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp, Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định giao quyền cấp trưởng hoặc giao phụ trách Tổng cục Thi hành án dân sự.

Mục 3
BỔ NHIỆM LÃNH ĐẠO CẤP VỤ THUỘC TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 28. Quy trình bổ nhiệm Vụ trưởng hoặc tương đương thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự[12]

1. Xác định nhu cầu, chủ trương, nguồn bổ nhiệm

Căn cứ nhu cầu công tác, cơ cấu, số lượng lãnh đạo của đơn vị, tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị có cấp trưởng cần bổ nhiệm họp thảo luận, thống nhất và đề xuất với Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức Hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự để xác định nhu cầu bổ nhiệm, chủ trương, nguồn bổ nhiệm.

Trường hợp cần thiết hoặc đơn vị không chủ động đề xuất, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức Hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự để xác định nhu cầu, chủ trương, nguồn bổ nhiệm.

Trên cơ sở kết quả thảo luận của tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách và Bộ trưởng trước khi trình Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp phê duyệt chủ trương bổ nhiệm, nguồn bổ nhiệm.

2. Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị (lần 1)

- Thành phần: Lãnh đạo đơn vị và cấp ủy Đảng đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự.

b) Bước 2: Hội nghị lãnh đạo đơn vị mở rộng

- Thành phần: Toàn thể công chức, viên chức, người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận và thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nguồn nhân sự, các công việc liên quan và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp chỉ giới thiệu 01 người cho một chức danh trong số nhân sự trong quy hoạch hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Người có số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn 02 người có số phiếu giới thiệu cao nhất từ trên xuống để giới thiệu ở các bước tiếp theo.

Kết quả kiểm phiếu không công bố ở Hội nghị này.

c) Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị (lần 2)

- Thành phần: Lãnh đạo đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Trên cơ sở xem xét kết quả giới thiệu nhân sự của Hội nghị lãnh đạo đơn vị mở rộng; căn cứ cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ, khả năng đáp ứng của cán bộ, tập thể lãnh đạo đơn vị tiến hành thảo luận, giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp chỉ giới thiệu 01 người cho 01 chức danh trong số nhân sự được giới thiệu ở Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị mở rộng hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Thực hiện như bước 2.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

Trường hợp kết quả giới thiệu nhân sự ở Hội nghị lãnh đạo đơn vị khác với kết quả phát hiện, giới thiệu nhân sự ở bước 2 thì Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo đầy đủ để Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp cho ý kiến chỉ đạo trước khi tiến hành các bước tiếp theo.

d) Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm

- Thành phần: Toàn thể công chức, viên chức, người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Trao đổi, thảo luận về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của đơn vị và khả năng đáp ứng của cán bộ; thông báo danh sách nhân sự do tập thể lãnh đạo đơn vị giới thiệu (tại bước 3); tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, triển vọng phát

triển; dự kiến phân công công tác; nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm trình bày chương trình hành động nếu được bổ nhiệm (nếu có) và trả lời những vấn đề có liên quan trước khi bỏ phiếu; lấy ý kiến bằng phiếu kín của công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị về nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm.

Kết quả kiểm phiếu không công bố ở Hội nghị này.

đ) Bước 5: Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị (lần 3)

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận, phân tích kết quả phiếu ở các Hội nghị; xác minh, kết luận những vấn đề mới phát sinh (nếu có); biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

- Nguyên tắc lựa chọn: Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn đề nghị bổ nhiệm. Trường hợp tập thể lãnh đạo đơn vị giới thiệu 02 người có số phiếu ngang nhau (đạt tỉ lệ 50%) thì báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét, quyết định.

Lãnh đạo đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm đề nghị cấp ủy của đơn vị cho ý kiến bằng văn bản đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức Hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục để xem xét, cho ý kiến đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự cho ý kiến bằng văn bản đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

e) Quyết định bổ nhiệm

Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách và Bộ trưởng; trình Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, phê duyệt nhân sự và có văn bản lấy ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư pháp. Căn cứ ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư pháp, Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp thảo luận, kết luận các vấn đề phát sinh (nếu có) hoặc trình Bộ trưởng ký quyết định bổ nhiệm.

3. Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ cơ quan khác

a) Đối với nhân sự do đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm đề xuất

Bước 1: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự hoặc Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự gặp gỡ nhân sự dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm và lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm về việc bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy nơi nhân

sự đang công tác để trao đổi và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm về việc bổ nhiệm.

Bước 2: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự chủ trì Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm để thảo luận, nhận xét, đánh giá và bỏ phiếu về nhân sự đề nghị bổ nhiệm. Nhân sự đạt số phiếu trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp đạt số phiếu giới thiệu là 50% thì thủ trưởng đơn vị xem xét việc giới thiệu bổ nhiệm; đồng thời, báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét, cho ý kiến và đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự cho ý kiến bằng văn bản đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Trường hợp có ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ để Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, kết luận.

Bước 3: Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách và Bộ trưởng; trình Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, phê duyệt nhân sự và có văn bản lấy ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư pháp. Căn cứ ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư pháp, Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp thảo luận, kết luận các vấn đề phát sinh (nếu có) hoặc trình Bộ trưởng ký quyết định bổ nhiệm.

b) Đối với nhân sự do Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự dự kiến tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm

Bước 1: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự hoặc Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự gặp gỡ người dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm và lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm về việc bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy nơi nhân sự đang công tác để trao đổi và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét, bỏ phiếu về nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự cho ý kiến bằng văn bản về nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách và Bộ trưởng; trình Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, phê duyệt nhân sự và có văn

bản lấy ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư pháp. Căn cứ ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư pháp, Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp thảo luận, kết luận các vấn đề phát sinh (nếu có) hoặc trình Bộ trưởng ký quyết định bổ nhiệm.

4. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Thông tư này.

5. Bộ trưởng tổ chức công bố quyết định bổ nhiệm Vụ trưởng hoặc tương đương thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự.

Điều 29. Bổ nhiệm đối với Phó Vụ trưởng hoặc tương đương thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự[13]

1. Xác định nhu cầu, chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác, nguồn bổ nhiệm

Căn cứ nhu cầu công tác, cơ cấu, số lượng lãnh đạo của đơn vị, tập thể lãnh đạo, cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm họp thảo luận, thống nhất và đề xuất Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức Hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự để xác định nhu cầu, chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác, nguồn bổ nhiệm.

Trường hợp cần thiết hoặc đơn vị không chủ động đề xuất, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự đề xuất Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức Hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự để xác định nhu cầu, chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác, nguồn bổ nhiệm.

Trên cơ sở kết quả Hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách trước khi phê duyệt chủ trương bổ nhiệm.

2. Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị (lần 1)

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo đơn vị và cấp ủy Đảng đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận, thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự.

b) Bước 2: Hội nghị lãnh đạo đơn vị mở rộng.

- Thành phần: Toàn thể công chức, viên chức, người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận, thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nguồn nhân sự, các công việc liên quan và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp chỉ giới thiệu 01 người cho một chức danh trong số nhân sự trong quy hoạch hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Người có số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp có từ 02 vị trí bổ nhiệm trở lên thì chọn người có trên 50% số phiếu giới thiệu từ trên xuống cho đến hết số lượng cần bổ nhiệm.

Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn 02 người có số phiếu giới thiệu cao nhất từ trên xuống để giới thiệu cho mỗi chức danh ở các bước tiếp theo (trường hợp có từ 02 vị trí bổ nhiệm trở lên thì chọn nhiều hơn số dự kiến bổ nhiệm ít nhất 01 người).

Kết quả kiểm phiếu không công bố ở Hội nghị này.

c) Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị (lần 2)

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Trên cơ sở xem xét kết quả giới thiệu nhân sự của Hội nghị lãnh đạo đơn vị mở rộng; căn cứ cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ, khả năng đáp ứng của cán bộ, tập thể lãnh đạo đơn vị tiến hành thảo luận, giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp chỉ giới thiệu 01 người cho 01 chức danh trong số nhân sự được giới thiệu ở Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị mở rộng hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Thực hiện như bước 2.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

d) Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến toàn thể công chức, viên chức, người lao động về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm

- Thành phần: Toàn thể công chức, viên chức, người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm cán bộ. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Trao đổi, thảo luận về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của đơn vị và khả năng đáp ứng của cán bộ; thông báo danh sách nhân sự do tập thể lãnh đạo đơn vị giới thiệu (tại bước 3); tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, triển vọng phát triển; dự kiến phân công công tác; nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm trình bày chương trình hành động nếu được bổ nhiệm (nếu có) và trả lời những vấn đề có liên quan trước khi bỏ phiếu; lấy ý kiến bằng phiếu kín của công chức, viên chức, người lao động về nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm.

Kết quả kiểm phiếu không công bố ở Hội nghị này.

đ) Bước 5: Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị (lần 3).

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận, phân tích kết quả phiếu ở các hội nghị; xác minh, kết luận những vấn đề mới phát sinh (nếu có); biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

Nguyên tắc lựa chọn: Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn giới thiệu, bổ nhiệm. Trường hợp tập thể lãnh đạo giới thiệu 02 người có số phiếu ngang nhau (đạt tỉ lệ 50%) thì lựa chọn nhân sự do thủ trưởng đơn vị giới thiệu để đề nghị bổ nhiệm.

Lãnh đạo đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm đề nghị cấp ủy của đơn vị cho ý kiến bằng văn bản đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm và hoàn thiện hồ sơ gửi Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự; đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự cho ý kiến bằng văn bản đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

e) Quyết định bổ nhiệm

Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự hoàn thiện hồ sơ, trình Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

3. Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ cơ quan khác

a) Đối với nhân sự do đơn vị đề xuất

Bước 1: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự hoặc Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự gặp gỡ nhân sự dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm và lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy đơn vị có nhu cầu

bổ nhiệm về việc bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy nơi nhân sự đang công tác để trao đổi và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự chủ trì Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm để thảo luận, nhận xét, đánh giá và bỏ phiếu về nhân sự đề nghị bổ nhiệm. Nhân sự đạt số phiếu trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp đạt số phiếu giới thiệu là 50% thì thủ trưởng đơn vị xem xét việc giới thiệu bổ nhiệm, đồng thời báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét, cho ý kiến và đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự cho ý kiến bằng văn bản đối với nhân sự bổ nhiệm.

Bước 3: Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự hoàn thiện hồ sơ, trình Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

b) Đối với nhân sự do lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự dự kiến tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm

Bước 1: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự hoặc Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự gặp gỡ nhân sự dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm và lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm về việc bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị nơi nhân sự đang công tác để trao đổi và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét, bỏ phiếu về nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự cho ý kiến bằng văn bản về nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự hoàn thiện hồ sơ, trình Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

4. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Thông tư này.

5. Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức công bố quyết định bổ nhiệm Phó Vụ trưởng và tương đương thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự.

Điều 30. Bổ nhiệm lãnh đạo cấp Vụ do đơn vị thay đổi tên gọi

Trường hợp đơn vị thay đổi tên gọi thì Tổng Cục trưởng xem xét, quyết định hoặc phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định bổ nhiệm lãnh đạo cấp Vụ theo phân cấp.

Điều 31. Giao quyền cấp trưởng, giao phụ trách đơn vị

1. Trường hợp chưa có nhân sự đáp ứng yêu cầu bổ nhiệm cấp trưởng đơn vị thuộc Tổng cục, Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức Hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục để giới thiệu, đề xuất nhân sự giao quyền cấp trưởng hoặc giao phụ trách đơn vị thuộc Tổng cục; lấy ý kiến bằng văn bản của Đảng ủy Tổng cục và báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp.

2. Căn cứ Nghị quyết của Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp, Tổng cục Thi hành án dân sự trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định giao quyền cấp trưởng hoặc giao phụ trách đơn vị thuộc Tổng cục.

Mục 4
BỔ NHIỆM LÃNH ĐẠO CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 32. Quy trình bổ nhiệm đối với Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương[14]

1. Xác định nhu cầu, chủ trương, nguồn bổ nhiệm

Căn cứ nhu cầu công tác, cơ cấu, số lượng lãnh đạo của đơn vị, tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị có cấp trưởng cần bổ nhiệm họp, thảo luận, thống nhất và đề xuất Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự để xác định nhu cầu, chủ trương, nguồn bổ nhiệm.

Trường hợp cần thiết hoặc đơn vị không chủ động đề xuất, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức Hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự để xác định nhu cầu, chủ trương, nguồn bổ nhiệm.

Trên cơ sở kết quả thảo luận của tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách và Bộ trưởng trước khi trình Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp phê duyệt chủ trương bổ nhiệm, nguồn bổ nhiệm.

2. Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự (lần 1)

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo Cục, cấp ủy Đảng Cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự và đại diện cơ quan quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự hoặc Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự.

b) Bước 2: Hội nghị lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự mở rộng.

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo Cục, cấp ủy Đảng Cục, Trưởng phòng và tương đương thuộc Cục, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc và người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội của Cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự và đại diện cơ quan quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự hoặc Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận và thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nguồn nhân sự, các công việc liên quan và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp chỉ giới thiệu 01 người cho một chức danh trong số nhân sự trong quy hoạch hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Người có số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn 02 người có số phiếu giới thiệu cao nhất từ trên xuống để giới thiệu ở các bước tiếp theo.

Kết quả kiểm phiếu không công bố ở Hội nghị này.

c) Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự (lần 2)

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự và đại diện cơ quan quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự hoặc Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Trên cơ sở xem xét kết quả giới thiệu nhân sự của Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự mở rộng; căn cứ cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ, khả năng đáp ứng của cán bộ, tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự tiến hành thảo luận, giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp chỉ giới thiệu 01 người cho 01 chức danh trong số nhân sự được giới thiệu ở Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự mở rộng hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Thực hiện như bước 2.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

Trường hợp kết quả giới thiệu ở Hội nghị lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự khác với kết quả phát hiện, giới thiệu nhân sự ở bước 2 thì Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo, giải trình rõ với Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp để xem xét, cho ý kiến chỉ đạo trước khi tiến hành các bước tiếp theo.

d) Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến toàn thể công chức, người lao động về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm

- Thành phần: Toàn thể công chức, người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Cục; Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự và đại diện cơ quan quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự hoặc Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Trao đổi, thảo luận về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của đơn vị và khả năng đáp ứng của cán bộ; thông báo danh sách nhân sự do tập thể lãnh đạo đơn vị giới thiệu (tại bước 3); tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, triển vọng phát triển; dự kiến phân công công tác; nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm trình bày chương trình hành động nếu được bổ nhiệm (nếu có) và trả lời những vấn đề có liên quan trước khi bỏ phiếu; lấy ý kiến bằng phiếu kín của công chức, viên chức, người lao động về nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm.

Kết quả kiểm phiếu không công bố ở Hội nghị này.

đ) Bước 5: Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự (lần 3)

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự cùng tham dự hội nghị và đại diện cơ quan quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự hoặc Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận, phân tích kết quả phiếu ở các Hội nghị, xác minh, kết luận những vấn đề mới phát sinh (nếu có); biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

- Nguyên tắc lựa chọn: Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% thì được lựa chọn đề nghị bổ nhiệm. Trường hợp tập thể lãnh đạo Cục giới thiệu 02 người có số phiếu ngang nhau (đạt tỉ lệ 50%) thì báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét, cho ý kiến.

Lãnh đạo đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm đề nghị cấp ủy của đơn vị cho ý kiến bằng văn bản đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm và đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức Hội nghị tập thể Lãnh đạo Tổng cục để xem xét, cho ý kiến đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

e) Quyết định bổ nhiệm

Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách và Bộ trưởng; trình Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, phê duyệt nhân sự và có văn bản lấy ý kiến của cấp ủy cấp tỉnh về nhân sự dự kiến bổ nhiệm. Căn cứ ý kiến của cấp ủy cấp tỉnh, Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp thảo luận, kết luận các vấn đề phát sinh (nếu có) hoặc trình Bộ trưởng ký quyết định bổ nhiệm.

3. Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ cơ quan khác

a) Đối với nhân sự do Cục Thi hành án dân sự đề xuất

Bước 1: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự hoặc Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự gặp gỡ nhân sự dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm và lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm về việc bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy nơi nhân sự đang công tác để trao đổi ý kiến và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự hoặc Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự chủ trì Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự để thảo luận, nhận xét, đánh giá và bỏ phiếu về nhân sự đề nghị bổ nhiệm. Nhân sự đạt số phiếu trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp đạt số phiếu giới thiệu là 50% thì báo cáo đầy đủ để tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét, cho ý kiến.

Bước 3: Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách và Bộ trưởng; trình Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, phê duyệt nhân sự và có văn bản đề nghị cấp ủy cấp tỉnh cho ý kiến về nhân sự đề nghị bổ nhiệm. Căn cứ ý kiến của cấp ủy cấp tỉnh, Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp thảo luận, kết luận các vấn đề phát sinh (nếu có) hoặc trình Bộ trưởng ký quyết định bổ nhiệm.

b) Đối với nhân sự do Tổng cục Thi hành án dân sự dự kiến tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm

Bước 1: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự hoặc Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự gặp gỡ nhân sự dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm và lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm về việc bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy nơi nhân sự đang công tác để trao đổi và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo tập thể Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét, bỏ phiếu về nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách và Bộ trưởng; trình Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, phê duyệt nhân sự và có văn bản lấy đề nghị cấp ủy cấp tỉnh cho ý kiến về nhân sự đề nghị bổ nhiệm. Căn cứ ý kiến của cấp ủy cấp tỉnh, Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp thảo luận, kết luận các vấn đề phát sinh (nếu có) hoặc trình Bộ trưởng ký quyết định bổ nhiệm.

4. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Thông tư này.

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức công bố quyết định bổ nhiệm Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự.

Điều 33. Quy trình bổ nhiệm đối với Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương[15]

1. Xác định nhu cầu, chủ trương, nguồn bổ nhiệm

Căn cứ nhu cầu công tác, cơ cấu, số lượng lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự, tập thể lãnh đạo và cấp ủy Cục Thi hành án dân sự họp, thảo luận, thống nhất và đề xuất Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự để xác định nhu cầu, chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác, nguồn bổ nhiệm.

Trường hợp cần thiết hoặc đơn vị không chủ động đề xuất, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự đề xuất Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo Tổng cục để xác định nhu cầu, chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác, nguồn bổ nhiệm.

2. Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự (lần 1)

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo Cục, cấp ủy Đảng Cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện cơ quan quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự.

b) Bước 2: Hội nghị lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự mở rộng.

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo Cục, cấp ủy Đảng Cục, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Cục, Trưởng phòng chuyên môn và tương đương thuộc Cục và Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc. Mời đại diện cơ quan quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận và thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nguồn nhân sự, các công việc liên quan và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp giới thiệu 01 người cho một chức danh trong số nhân sự trong quy hoạch hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Người có số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp có từ 02 vị trí bổ nhiệm trở lên thì chọn người có trên 50% số phiếu giới thiệu từ trên xuống cho đến hết số lượng cần bổ nhiệm.

Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn 02 người có số phiếu giới thiệu cao nhất từ trên xuống để giới thiệu cho mỗi chức danh ở các bước tiếp theo (trường hợp có từ 02 vị trí bổ nhiệm trở lên thì chọn nhiều hơn số dự kiến bổ nhiệm ít nhất 01 người).

Kết quả kiểm phiếu không công bố ở Hội nghị này.

c) Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự (lần 2)

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện cơ quan quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Trên cơ sở xem xét kết quả giới thiệu nhân sự của Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự mở rộng; căn cứ cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ, khả năng đáp ứng của cán bộ, tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự tiến hành thảo luận, giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp chỉ giới thiệu 01 người cho 01 chức danh trong số nhân sự được giới thiệu ở Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục mở rộng hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Thực hiện như bước 2.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

Trường hợp kết quả giới thiệu ở Hội nghị lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự khác với kết quả phát hiện, giới thiệu nhân sự ở bước 2 thì báo cáo tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét, cho ý kiến trước khi tiến hành các bước tiếp theo.

đ) Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến toàn thể công chức, người lao động về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm

- Thành phần: Toàn thể công chức, người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Cục; Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc. Mời đại diện cơ quan quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của đơn vị và khả năng đáp ứng của cán bộ; thông báo danh sách nhân sự được tập thể lãnh đạo Cục giới thiệu và ý kiến chỉ đạo của Tổng cục Thi hành án dân sự; tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, triển vọng phát triển; dự kiến phân công công tác; nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm trình bày chương trình hành động nếu được bổ nhiệm và trả lời những vấn đề có liên quan trước khi bỏ phiếu (nếu có); lấy ý kiến bằng phiếu kín của công chức, người lao động về nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm.

Kết quả kiểm phiếu không công bố ở hội nghị này.

e) Bước 5: Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự (lần 3)

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện cơ quan quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận, phân tích kết quả phiếu ở các hội nghị, xác minh, kết luận những vấn đề mới phát sinh (nếu có); biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

- Nguyên tắc lựa chọn: Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% thì được lựa chọn đề nghị bổ nhiệm. Trường hợp tập thể lãnh đạo Cục giới thiệu 02 người có số phiếu ngang nhau (đạt tỉ lệ 50%) thì lựa chọn nhân sự do Cục trưởng giới thiệu.

Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự đề nghị cấp ủy Cục Thi hành án dân sự cho ý kiến bằng văn bản đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm. Đồng thời, có văn bản báo cáo và xin ý kiến của cấp ủy cấp tỉnh đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm (trừ bổ nhiệm Phó cục trưởng Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội và Phó cục trưởng Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh); trình lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét, cho ý kiến.

e) Quyết định bổ nhiệm

Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự; trình Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

3. Quy trình bổ nhiệm sự đối với nguồn nhân sự từ cơ quan khác

a) Đối với nhân sự do Cục Thi hành án dân sự đề xuất

Bước 1: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự gặp gỡ nhân sự dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy nơi nhân sự đang công tác để trao đổi và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Tập thể lãnh đạo Cục thảo luận, nhận xét, đánh giá và bỏ phiếu về nhân sự đề nghị bổ nhiệm. Nhân sự đạt số phiếu trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp đạt số phiếu giới thiệu là 50% thì Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự xem xét việc giới thiệu bổ nhiệm, đồng thời báo cáo lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét, cho ý kiến.

Căn cứ kết quả giới thiệu nhân sự của tập thể lãnh đạo Cục, Cục trưởng có văn bản lấy ý kiến của cấp ủy Cục Thi hành án dân sự và báo cáo, xin ý kiến của cấp ủy cấp tỉnh đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm, trình Tổng cục Thi hành án dân sự.

Bước 3: Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo tập thể lãnh đạo Tổng cục xem xét, biểu quyết nhân sự; hoàn thiện hồ sơ, trình Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

b) Đối với nhân sự do Tổng cục Thi hành án dân sự dự kiến tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm

Bước 1: Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự hoặc Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự gặp gỡ nhân sự dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy

đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm và lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm về việc bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị nơi nhân sự đang công tác để trao đổi và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Tập thể lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét, bỏ phiếu về nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cấp ủy cấp tỉnh có văn bản cho ý kiến về nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự hoàn thiện hồ sơ, trình Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

Đối với trường hợp chưa giữ ngạch Chấp hành viên, Tổng cục Thi hành án dân sự trình Lãnh đạo Bộ phụ trách ký quyết định bổ nhiệm Chấp hành viên trước khi Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

4. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Thông tư này.

5. Cục trưởng tổ chức công bố quyết định bổ nhiệm Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự.

Điều 34. Bổ nhiệm lãnh đạo Cục do đơn vị thay đổi tên gọi

Trường hợp đơn vị thay đổi tên gọi thì thực hiện như quy định tại Điều 30 Thông tư này.

Điều 35. Giao quyền cấp trưởng, giao phụ trách đơn vị[16]

1. Trường hợp Cục Thi hành án dân sự cần kiện toàn cấp trưởng nhưng qua rà soát, đánh giá chưa phát hiện nhân sự phù hợp hoặc đã đề xuất nhân sự nhưng không được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhân sự chấp thuận, lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự hoặc Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức họp liên tịch lãnh đạo đơn vị, cấp ủy Đảng cùng cấp, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội thảo luận, lựa chọn, giới thiệu nhân sự để giao quyền Cục trưởng hoặc giao phụ trách Cục Thi hành án dân sự.

2. Trường hợp giao quyền Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định nhân sự giao quyền và có văn bản lấy ý kiến cấp ủy cấp tỉnh về nhân sự dự kiến giao quyền. Căn cứ ý kiến của cấp ủy cấp tỉnh, Tổng cục Thi hành án dân sự trình Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp thảo luận, kết luận các vấn đề phát sinh (nếu có) hoặc trình Bộ trưởng ký quyết định giao quyền Cục trưởng.

3. Trường hợp giao phụ trách Cục Thi hành án dân sự, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự báo cáo Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ phụ trách về nhân sự được giới thiệu để Bộ trưởng xem xét, quyết định giao phụ trách.

Mục 5
BỔ NHIỆM LÃNH ĐẠO CẤP PHÒNG THUỘC CỤC

Điều 36. Quy trình bổ nhiệm đối với lãnh đạo cấp Phòng thuộc Cục Thi hành án dân sự[17]

1. Xác định nhu cầu, chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác, nguồn bổ nhiệm

Căn cứ nhu cầu công tác, cơ cấu, số lượng lãnh đạo của đơn vị, tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm họp, thảo luận, thống và đề xuất với Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tổ chức Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự để xác định nhu cầu, chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác, nguồn bổ nhiệm.

Trường hợp cần thiết hoặc đơn vị không chủ động đề xuất, Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự báo cáo Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tổ chức Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự để xác định nhu cầu, chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác, nguồn bổ nhiệm.

2. Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị (lần 1)

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm. Mời đại diện Lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự.

b) Bước 2: Hội nghị lãnh đạo đơn vị mở rộng

- Thành phần: Toàn thể cán bộ, công chức, người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm. Mời đại diện Lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận và thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nguồn nhân sự, các công việc liên quan và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp chỉ giới thiệu 01 người cho một chức danh trong số nhân sự trong quy hoạch hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Người có số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp có từ 02 vị trí bổ nhiệm trở lên thì chọn người có trên 50% số phiếu giới thiệu từ trên xuống cho đến hết số lượng cần bổ nhiệm.

Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn 02 người có số phiếu giới thiệu cao nhất từ trên xuống để giới thiệu cho mỗi chức danh ở các bước tiếp theo (trường hợp có từ 02 vị trí bổ nhiệm trở lên thì chọn nhiều hơn số dự kiến bổ nhiệm ít nhất 01 người).

Kết quả kiểm phiếu không công bố ở Hội nghị này.

c) Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị (lần 2)

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm. Mời đại diện Lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Trên cơ sở xem xét kết quả giới thiệu nhân sự của Hội nghị lãnh đạo đơn vị mở rộng; căn cứ cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ, khả năng đáp ứng của cán bộ, tập thể lãnh đạo đơn vị tiến hành thảo luận, giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp giới thiệu 01 người cho 01 chức danh trong số nhân sự được giới thiệu ở Hội nghị lãnh đạo đơn vị mở rộng hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Thực hiện như bước 2.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

d) Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến toàn thể công chức, người lao động của đơn vị về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm

- Thành phần: Toàn thể công chức, người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm. Mời đại diện Lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Trao đổi, thảo luận về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của đơn vị và khả năng đáp ứng của cán bộ; thông báo danh sách nhân sự được tập thể lãnh đạo đơn vị giới thiệu và ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự; tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, triển vọng phát triển; dự kiến phân công công tác; nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm trình bày chương trình hành động nếu được bổ nhiệm và trả lời những vấn đề có liên quan trước khi bỏ phiếu (nếu có); lấy ý kiến bằng phiếu kín của công chức, người lao động về nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm.

Kết quả kiểm phiếu không công bố ở Hội nghị này.

đ) Bước 5: Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị (lần 3).

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm.

- Chủ trì: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận, phân tích kết quả phiếu ở các hội nghị; xác minh, kết luận những vấn đề mới phát sinh (nếu có); biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

- Nguyên tắc lựa chọn: Nhân sự đạt số phiếu cao nhất trên 50% thì được lựa chọn giới thiệu. Trường hợp có nhiều hơn 01 vị trí bổ nhiệm thì chọn người có trên 50% số phiếu giới thiệu từ trên xuống cho đến hết số lượng cần bổ nhiệm. Trường hợp có 02 nhân sự có số phiếu ngang nhau (50%) thì lựa chọn nhân sự do thủ trưởng giới thiệu để đề nghị bổ nhiệm.

Lãnh đạo đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm đề nghị cấp ủy của đơn vị (nếu có) cho ý kiến bằng văn bản đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm. Đồng thời, báo cáo tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự xem xét và có văn bản đề nghị cấp ủy Cục Thi hành án dân sự cho ý kiến đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

e) Quyết định bổ nhiệm

Phòng Tổ chức cán bộ hoàn thiện hồ sơ, trình Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

3. Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ đơn vị khác

a) Đối với nhân sự do đơn vị đề xuất

Bước 1: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự hoặc Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ gặp gỡ nhân sự dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm và lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm (nếu có) về việc bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy nơi nhân sự đang công tác để trao đổi và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Lãnh đạo Cục chủ trì Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm để thảo luận, nhận xét, đánh giá và bỏ phiếu về nhân sự đề nghị bổ nhiệm. Nhân sự đạt số phiếu trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp đạt số phiếu giới thiệu là 50% thì thủ trưởng đơn vị xem xét việc giới thiệu nhân sự

đề nghị bổ nhiệm; đồng thời báo cáo lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự xem xét, cho ý kiến và đề nghị cấp ủy Cục Thi hành án dân sự cho ý kiến bằng văn bản đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 3: Phòng Tổ chức cán bộ hoàn thiện hồ sơ, trình Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

b) Đối với nhân sự do Lãnh đạo Cục dự kiến tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm

Bước 1: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự hoặc Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ gặp gỡ nhân sự dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm và lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm (nếu có) về việc bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị nơi nhân sự đang công tác để trao đổi và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự xem xét, bỏ phiếu về nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cấp ủy Cục Thi hành án dân sự cho ý kiến bằng văn bản về nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Phòng Tổ chức cán bộ hoàn thiện hồ sơ, trình Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

4. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Thông tư này.

5. Cục trưởng tổ chức công bố quyết định bổ nhiệm lãnh đạo cấp Phòng thuộc Cục.

Điều 37. Bổ nhiệm lãnh đạo cấp Phòng do đơn vị thay đổi tên gọi

Trường hợp đơn vị thay đổi tên gọi thì Cục trưởng xem xét, quyết định bổ nhiệm lãnh đạo cấp Phòng theo tên gọi mới.

Điều 38. Giao quyền cấp trưởng, giao phụ trách đơn vị

1. Trường hợp chưa có nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc Cục, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự quyết định giao quyền cấp trưởng hoặc giao phụ trách đơn vị thuộc Cục.

2. Cục trưởng tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo Cục để thảo luận, giới thiệu và thống nhất nhân sự giao quyền cấp trưởng hoặc giao phụ trách đơn vị thuộc Cục. Sau Hội nghị, Cục trưởng lấy ý kiến của cấp ủy Cục bằng văn bản về nhân sự được đề nghị.

3. Căn cứ kết quả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này, Cục trưởng quyết định giao quyền cấp trưởng hoặc giao phụ trách đơn vị thuộc Cục.

Mục 6
BỔ NHIỆM LÃNH ĐẠO CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 39. Quy trình bổ nhiệm đối với Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự[18]

1. Xác định nhu cầu, chủ trương, nguồn bổ nhiệm

Căn cứ nhu cầu công tác, cơ cấu, số lượng lãnh đạo của Chi cục Thi hành án dân sự, tập thể lãnh đạo và cấp ủy Chi cục Thi hành án dân sự họp, thảo luận, thống nhất và đề xuất Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tổ chức Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự để xác định nhu cầu, chủ trương, nguồn bổ nhiệm.

Trường hợp cần thiết hoặc đơn vị không chủ động đề xuất, Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ báo cáo Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tổ chức Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự để xác định nhu cầu, chủ trương, nguồn bổ nhiệm.

2. Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự (lần 1)

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo Chi cục, cấp ủy Đảng của Chi cục. Mời đại diện Lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ và đại diện cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận và thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự.

b) Bước 2: Hội nghị lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự mở rộng.

- Thành phần: Toàn thể công chức, người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chi cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ, đại diện cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận và thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nguồn nhân sự, các công việc liên quan và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp chỉ giới thiệu 01 người cho chức danh đề nghị bổ nhiệm trong số nhân sự trong quy hoạch hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Người có số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn 02 người có số phiếu giới thiệu cao nhất từ trên xuống để giới thiệu ở các bước tiếp theo.

Kết quả kiểm phiếu không công bố ở Hội nghị này.

c) Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự (lần 2)

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ và đại diện cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Trên cơ sở xem xét kết quả giới thiệu nhân sự của Hội nghị lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự mở rộng; căn cứ cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ, khả năng đáp ứng của cán bộ, tập thể lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự tiến hành thảo luận, giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp chỉ giới thiệu 01 người cho 01 chức danh trong số nhân sự được giới thiệu ở Hội nghị lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự mở rộng hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Thực hiện như bước 2.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

d) Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến toàn thể công chức, người lao động của Chi cục Thi hành án dân sự

- Thành phần: Toàn thể công chức, người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chi cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ và đại diện cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Trao đổi, thảo luận về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của đơn vị và khả năng đáp ứng của cán bộ; thông báo danh sách nhân sự được tập thể lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự giới thiệu và ý kiến của lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự; tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, triển vọng phát triển; dự kiến phân công công tác; nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm trình bày chương trình hành động nếu được bổ nhiệm (nếu có) và trả lời những vấn đề có liên quan trước khi bỏ phiếu; lấy ý kiến bằng phiếu kín của công chức, viên chức, người lao động về nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm.

Kết quả kiểm phiếu không công bố ở Hội nghị này.

đ) Bước 5: Hội nghị tập thể lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự (lần 3).

- Thành phần: Lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ và đại diện cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận, phân tích kết quả lấy phiếu ở các hội nghị; xác minh, kết luận những vấn đề mới phát sinh (nếu có); biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

- Nguyên tắc lựa chọn: Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn đề nghị bổ nhiệm. Trường hợp tập thể lãnh đạo giới thiệu 02 người có số phiếu ngang nhau (đạt tỉ lệ 50%) thì lựa chọn nhân sự do thủ trưởng đơn vị giới thiệu.

Chi cục Thi hành án dân sự có văn bản đề nghị cấp ủy Chi cục Thi hành án dân sự cho ý kiến bằng văn bản về nhân sự dự kiến bổ nhiệm; báo cáo tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự xem xét và có văn bản gửi cấp ủy cấp huyện cho ý kiến đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

e) Quyết định bổ nhiệm

Cục Thi hành án dân sự hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét, quyết định bổ nhiệm.

3. Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ cơ quan khác

a) Đối với nhân sự do Chi cục Thi hành án dân sự đề xuất

Bước 1: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự hoặc Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ gặp gỡ nhân sự dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm và lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm về việc bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy nơi nhân sự đang công tác để trao đổi và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Lãnh đạo Cục chủ trì Hội nghị tập thể lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự để thảo luận, nhận xét, đánh giá và bỏ phiếu về nhân sự đề nghị bổ nhiệm. Nhân sự đạt số phiếu trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp đạt số phiếu giới thiệu là 50% thì Chi cục trưởng xem xét việc giới thiệu; lấy ý kiến

của cấp ủy Chi cục Thi hành án dân sự; đồng thời báo cáo đầy đủ ý kiến khác nhau (nếu có) để tập thể Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự xem xét; có văn bản lấy ý kiến của cấp ủy cấp huyện đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 3: Cục Thi hành án dân sự hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

b) Đối với nhân sự do Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự dự kiến tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm

Bước 1: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự hoặc Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ gặp gỡ nhân sự dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm và lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm về việc bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy nơi nhân sự đang công tác để trao đổi và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Phòng Tổ chức cán bộ báo cáo tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự xem xét, bỏ phiếu về nhân sự dự kiến bổ nhiệm; có văn bản lấy ý kiến của cấp ủy Chi cục Thi hành án dân sự và cấp ủy cấp huyện đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Cục Thi hành án dân sự hoàn thiện hồ sơ, trình Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

Đối với trường hợp chưa giữ ngạch Chấp hành viên, Tổng cục Thi hành án dân sự trình Lãnh đạo Bộ phụ trách ký quyết định bổ nhiệm Chấp hành viên trước khi Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

4. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Thông tư này.

5. Cục trưởng tổ chức công bố quyết định bổ nhiệm Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự.

Điều 40. Quy trình bổ nhiệm đối với Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự[19]

1. Xác định nhu cầu, chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác, nguồn bổ nhiệm

Căn cứ nhu cầu công tác, cơ cấu, số lượng lãnh đạo của Chi cục Thi hành án dân sự, tập thể lãnh đạo và cấp ủy Chi cục Thi hành án dân sự họp, thảo luận, thống nhất và đề xuất Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tổ chức Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự để xác định nhu cầu, chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác, nguồn bổ nhiệm.

Trường hợp cần thiết hoặc đơn vị không chủ động đề xuất, Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự đề xuất Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tổ chức Hội nghị tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự để xác định nhu cầu, chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác, nguồn bổ nhiệm.

2. Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự (lần 1)

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo Chi cục, cấp ủy Chi cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ và đại diện cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự hoặc Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ.

- Nội dung: Thảo luận, thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự.

b) Bước 2: Hội nghị lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự mở rộng

- Thành phần: Toàn thể công chức, người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chi cục. Mời đại diện Lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ và đại diện cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự hoặc Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Thảo luận và thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nguồn nhân sự, các công việc liên quan và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp chỉ giới thiệu 01 người cho một chức danh trong số nhân sự trong quy hoạch hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Người có số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp có từ 02 vị trí bổ nhiệm trở lên thì chọn người có trên 50% số phiếu giới thiệu từ trên xuống cho đến hết số lượng cần bổ nhiệm.

Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn 02 người có số phiếu giới thiệu cao nhất từ trên xuống để giới thiệu cho mỗi chức danh ở các bước tiếp theo (trường hợp có từ 02 vị trí bổ nhiệm trở lên thì chọn nhiều hơn số dự kiến bổ nhiệm ít nhất 01 người).

Kết quả kiểm phiếu không công bố ở Hội nghị này.

c) Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự (lần 2)

- Thành phần: Tập thể lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ và đại diện cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự hoặc Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự.

- Nội dung: Trên cơ sở xem xét kết quả giới thiệu nhân sự của Hội nghị lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự mở rộng; căn cứ cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ, khả năng đáp ứng của cán bộ, tập thể lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự tiến hành thảo luận, giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp chỉ giới thiệu 01 người cho 01 chức danh trong số nhân sự được giới thiệu ở Hội nghị tập thể lãnh đạo Chi cục mở rộng hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc lựa chọn: Thực hiện như bước 2.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

d) Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến toàn thể công chức, người lao động của Chi cục Thi hành án dân sự về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm

- Thành phần: Toàn thể công chức, người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chi cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Phòng Tổ chức cán bộ; đại diện cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự hoặc Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ.

- Nội dung: Trao đổi, thảo luận về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của đơn vị và khả năng đáp ứng của cán bộ; thông báo danh sách nhân sự được tập thể lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự giới thiệu và ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự; tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, triển vọng phát triển; dự kiến phân công công tác; nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm trình bày chương trình hành động nếu được bổ nhiệm và trả lời những vấn đề có liên quan trước khi bỏ phiếu (nếu có); lấy ý kiến bằng phiếu kín của công chức, viên chức, người lao động về nhân sự được giới thiệu bổ nhiệm.

Kết quả kiểm phiếu không công bố ở hội nghị này.

đ) Bước 5: Hội nghị tập thể lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự (lần 3)

- Thành phần: Lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ và đại diện cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ của địa phương cùng tham dự hội nghị.

- Chủ trì: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự hoặc Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ.

- Nội dung: Thảo luận, phân tích kết quả phiếu ở các Hội nghị; xác minh, kết luận những vấn đề mới phát sinh (nếu có); biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín.

Kết quả kiểm phiếu được công bố tại Hội nghị này.

- Nguyên tắc lựa chọn: Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn đề nghị bổ nhiệm. Trường hợp có nhiều hơn 01 vị trí bổ nhiệm thì chọn người có trên 50% số phiếu giới thiệu từ trên xuống cho đến hết số lượng cần bổ nhiệm. Trường hợp tập thể lãnh đạo giới thiệu 02 người có số phiếu ngang nhau (đạt tỉ lệ 50%) thì lựa chọn nhân sự do thủ trưởng đơn vị giới thiệu.

Chi cục Thi hành án dân sự đề nghị cấp ủy Chi cục Thi hành án dân sự cho ý kiến bằng văn bản đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; báo cáo tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự xem xét và có văn bản gửi cấp ủy cấp huyện cho ý kiến đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

e) Quyết định bổ nhiệm

Phòng Tổ chức cán bộ hoàn thiện hồ sơ, trình Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

3. Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ cơ quan khác

a) Đối với nhân sự do Chi cục Thi hành án dân sự đề xuất

Bước 1: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự hoặc Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ gặp gỡ nhân sự dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm và lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm về việc bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy nơi nhân sự đang công tác để trao đổi và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Lãnh đạo Cục chủ trì hội nghị tập thể lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự để thảo luận, nhận xét, đánh giá và bỏ phiếu về nhân sự đề nghị bổ nhiệm. Nhân sự đạt số phiếu trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp đạt số phiếu giới thiệu là 50% thì Chi cục trưởng xem xét việc giới thiệu; đồng thời báo cáo đầy đủ ý kiến khác nhau (nếu có) để tập thể Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự xem xét, có văn bản lấy ý kiến của cấp ủy cấp huyện đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 3: Phòng Tổ chức cán bộ hoàn thiện hồ sơ, trình Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

b) Đối với nhân sự do Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự dự kiến tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm

Bước 1: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự hoặc Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ gặp gỡ nhân sự dự kiến bổ nhiệm để trao đổi về yêu cầu công tác, nhu cầu bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm và lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm về việc bổ nhiệm; làm việc với tập thể lãnh đạo và cấp ủy đơn vị nơi nhân sự đang công tác để trao đổi và đề nghị có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm và nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm; xác minh lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm; đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự xem xét, bỏ phiếu về nhân sự dự kiến bổ nhiệm; có văn bản lấy ý kiến của cấp ủy cấp huyện đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Phòng Tổ chức cán bộ hoàn thiện hồ sơ, trình Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự ký quyết định bổ nhiệm.

Đối với trường hợp chưa giữ ngạch Chấp hành viên, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự báo cáo Tổng cục Thi hành án dân sự trình Lãnh đạo Bộ phụ trách ký quyết định bổ nhiệm Chấp hành viên trước khi ký quyết định bổ nhiệm.

Cục Thi hành án dân sự thực hiện điều động theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền về việc tiếp nhận nhân sự bổ nhiệm.

4. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Thông tư này.

5. Cục trưởng tổ chức công bố quyết định bổ nhiệm Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự.

Điều 41. Bổ nhiệm lãnh đạo Chi cục do đơn vị thay đổi tên gọi

Trường hợp đơn vị thay đổi tên gọi thì Tổng Cục trưởng xem xét, quyết định bổ nhiệm Chi cục trưởng; Cục trưởng xem xét, quyết định bổ nhiệm Phó Chi cục trưởng theo tên gọi mới.

Điều 42. Giao quyền cấp trưởng, giao phụ trách đơn vị

1. Trường hợp chưa có nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn bổ nhiệm Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự, Tổng Cục trưởng quyết định giao quyền cấp trưởng hoặc giao phụ trách Chi cục Thi hành án dân sự.

2. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo Cục để thảo luận, lựa chọn giới thiệu nhân sự để trình Tổng Cục trưởng giao quyền cấp trưởng hoặc giao phụ trách Chi cục Thi hành án dân sự báo cáo Tổng Cục trưởng.

Trường hợp giao quyền cấp trưởng, Cục Thi hành án dân sự ký Công văn trao đổi, lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy cấp huyện về nhân sự dự kiến.

Mục 7
QUY ĐỊNH VỀ BỔ NHIỆM LẠI

Điều 43. Điều kiện về bổ nhiệm lại

1. Hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

2. Không có công chức cấp dưới có sai phạm nghiêm trọng liên quan trực tiếp đến phạm vi quản lý, chỉ đạo, điều hành trong thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo được quy định tại thời điểm xem xét, bổ nhiệm lại và yêu cầu công tác trong thời gian tiếp theo.

4. Đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao.

5. Cơ quan, đơn vị có nhu cầu.

6[20] ***(được bãi bỏ).***

7. Bảo đảm các điều kiện khác theo quy định của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ.

Điều 44. Thời gian triển khai thủ tục bổ nhiệm lại[21]

Chậm nhất là 90 ngày tính đến ngày hết thời hạn giữ chức vụ lãnh đạo theo quy định, cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý công chức, viên chức phải thực hiện các quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại. Quyết định bổ nhiệm lại công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo phải được thực hiện trước ít nhất 01 ngày làm việc, tính đến ngày hết thời hạn bổ nhiệm. Trường hợp vì lý do khách quan mà chưa thực hiện xong thì cấp có thẩm quyền quyết định việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ.

Điều 45. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm lại[22]

1. Bước 1: Nhận xét, đánh giá tại đơn vị

a) Đối với bổ nhiệm lại chức vụ Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự, tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt của đơn vị gồm tập thể lãnh đạo Tổng cục, Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục Thi hành án dân sự, Lãnh đạo cấp Vụ thuộc Tổng cục, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự. Mời đại diện Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp tham dự hội nghị.

b) Đối với bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo, quản lý khác, tổ chức hội nghị toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị.

Thành phần: Toàn thể công chức, viên chức, người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của đơn vị. Mời đại diện Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Thi hành án dân sự hoặc đại diện Phòng Tổ chức cán bộ tham dự hội nghị.

Chủ trì: Lãnh đạo cấp trên quản lý trực tiếp (đối với cấp trưởng) hoặc Thủ trưởng đơn vị (đối với cấp phó)

c) Tại hội nghị công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trình bày báo cáo tự nhận xét, đánh giá trong thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Thành viên tham dự cuộc họp tham gia ý kiến và bỏ phiếu kín.

2. Bước 2: Thủ trưởng đơn vị nhận xét, đánh giá và đề xuất ý kiến về việc bổ nhiệm lại. Trường hợp nhân sự là cấp trưởng thì người đứng đầu cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp nhận xét, đánh giá và đề xuất ý kiến về việc bổ nhiệm lại.

Trường hợp bổ nhiệm lại Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự thì Lãnh đạo Bộ phụ trách Tổng cục Thi hành án dân sự sau khi xin ý kiến Bộ trưởng tiến hành nhận xét, đánh giá và đề xuất về việc bổ nhiệm lại.

3. Bước 3: Tổ chức họp tập thể lãnh đạo đơn vị để nhận xét, đánh giá, trao đổi, cho ý kiến về việc bổ nhiệm lại và bỏ phiếu kín.

Chủ trì: Lãnh đạo cấp trên quản lý trực tiếp (đối với cấp trưởng) hoặc Thủ trưởng đơn vị (đối với cấp phó).

4. Bước 4: Lấy ý kiến bằng văn bản của cấp có thẩm quyền về công tác cán bộ về việc bổ nhiệm lại.

Đối với trường hợp nhân sự đạt từ 50% số phiếu đồng ý trở xuống ở bước 1 hoặc bước 3, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước khi lấy ý kiến bằng văn bản của cấp có thẩm quyền về việc bổ nhiệm lại.

5. Bước 5: Quyết định bổ nhiệm lại

Căn cứ vào kết quả thực hiện quy trình và ý kiến của cấp có thẩm quyền về công tác cán bộ, đơn vị có nhân sự bổ nhiệm lại trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại gồm:

a) Tờ trình đề nghị bổ nhiệm lại;

b) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ của nhân sự được đề nghị bổ nhiệm lại và bản nhận xét, đánh giá của thủ trưởng đơn vị hoặc người đứng đầu cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp đối với nhân sự được đề nghị bổ nhiệm lại;

c) Các biên bản họp và biên bản kiểm phiếu (kèm Phiếu) trong quá trình thực hiện quy trình;

d) Sơ yếu lý lịch của nhân sự đề nghị bổ nhiệm lại (theo mẫu của Bộ Nội vụ);

đ) Bản kê khai tài sản, thu nhập;

e) Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp trong thời hạn 06 tháng tính đến thời điểm gửi hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại;

g) Nhận xét của đại diện cấp ủy nơi cư trú về trách nhiệm công dân của công chức, viên chức và gia đình công chức, viên chức;

h) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ đề nghị bổ nhiệm và các văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có). Trường hợp văn bằng do nước ngoài cấp phải có văn bản công nhận của Cục quản lý chất lượng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mục 8
TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM

Điều 46. Từ chức

1. Trong thời gian giữ chức vụ, nếu công chức, viên chức lãnh đạo thấy không đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ hoặc có nguyện vọng xin từ chức vì lý do khác theo quy định của pháp luật về công chức, viên chức thì làm đơn xin từ chức gửi lãnh đạo cơ quan trực tiếp quản lý.

2. Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được đơn xin từ chức, cơ quan trực tiếp quản lý công chức, viên chức lãnh đạo tổ chức cuộc họp tập thể lãnh đạo, cấp ủy đơn vị xem xét để quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Khi việc từ chức chưa được cấp có thẩm quyền quyết định, công chức, viên chức lãnh đạo vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao.

4. Công chức, viên chức lãnh đạo sau khi từ chức được cơ quan quản lý bố trí công tác khác.

Điều 47. Miễn nhiệm

1. Công chức, viên chức lãnh đạo do nhu cầu công tác hoặc trong các trường hợp sức khỏe không bảo đảm, hoặc không hoàn thành nhiệm vụ, hoặc vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước nhưng chưa đến mức bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức, hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về công chức, viên chức thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm và bố trí công tác khác mà không chờ hết thời hạn bổ nhiệm.

2. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị miễn nhiệm, cơ quan trực tiếp quản lý công chức, viên chức lãnh đạo tổ chức cuộc họp tập thể lãnh đạo, cấp ủy đơn vị để xem xét quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định miễn nhiệm chức vụ lãnh đạo đối với công chức, viên chức.

Điều 48. Hồ sơ đề nghị cho từ chức, miễn nhiệm

1. Tờ trình của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đơn xin từ chức hoặc nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo cơ quan nơi người đó đang công tác và bản tự nhận xét, đánh giá, kiểm điểm của công chức, viên chức trong trường hợp đề nghị miễn nhiệm.

3. Giấy tờ, tài liệu xác định căn cứ để từ chức, miễn nhiệm.

Chương IV
TỔ CHỨC THI TUYỂN VÀO NGẠCH CHẤP HÀNH VIÊN SƠ CẤP, HỒ SƠ BỔ NHIỆM CHẤP HÀNH VIÊN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT, ĐIỀU ĐỘNG, BIỆT PHÁI CHẤP HÀNH VIÊN VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BỔ NHIỆM THẨM TRA VIÊN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Mục 1
TỔ CHỨC THI TUYỂN VÀO NGẠCH CHẤP HÀNH VIÊN SƠ CẤP

Điều 49. Nguyên tắc tổ chức thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp

Việc tổ chức thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp (sau đây gọi chung là thi tuyển) được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan và cạnh tranh. Nguyên tắc cạnh tranh không áp dụng đối với thi tuyển Chấp hành viên trong quân đội.

Điều 50. Đối tượng đăng ký dự thi tuyển

1. Công chức các cơ quan thi hành án dân sự, đang giữ ngạch Thẩm tra viên hoặc Thư ký thi hành án hoặc chuyên viên.

2. Công chức các cơ quan khác có nhu cầu đăng ký dự thi, đang giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương.

3. Sỹ quan tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 51. Kế hoạch thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp

1. Chậm nhất là ngày 31 tháng 3 hàng năm, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự có văn bản báo cáo Tổng cục Thi hành án dân sự về biên chế, số lượng công chức hiện có theo từng ngạch công chức và đăng ký nhu cầu Chấp hành viên sơ cấp của địa phương mình để trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt chỉ tiêu và kế hoạch thi tuyển.

2. Kế hoạch thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp được Bộ Tư pháp thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự.

Điều 52. Nội quy, quy chế thi tuyển

Nội quy kỳ thi và quy chế thi tuyển vào ngạch Chấp hành viên sơ cấp thực hiện như quy định hiện hành của Bộ Nội vụ về thi nâng ngạch chuyên viên chính.

Điều 53. Hội đồng thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp và Ban giám sát kỳ thi trên cơ sở đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự. Hội đồng thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: 01 Lãnh đạo Bộ Tư pháp;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: 01 Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự;

c) Các Ủy viên Hội đồng: 01 Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp và các ủy viên khác là Thủ trưởng một số đơn vị thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, một số Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự;

d) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng: 01 Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự.

2. Hội đồng thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp thành lập các ban giúp việc, gồm: Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban phúc khảo; các ban giúp việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Giám sát kỳ thi

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập Ban giám sát kỳ thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp gồm các thành viên là Trưởng ban và các giám sát viên. Nhiệm vụ cụ thể của các giám sát viên do Trưởng ban giám sát kỳ thi phân công.

2. Ban giám sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như quy định của Bộ Nội vụ ban hành đối với Ban giám sát kỳ thi nâng ngạch công chức.

Điều 55. Điều kiện và hồ sơ đăng ký dự thi tuyển

1. Điều kiện đăng ký dự thi bao gồm:

a) Có đủ tiêu chuẩn của ngạch Chấp hành viên sơ cấp quy định tại Điều 18 Luật thi hành án dân sự;

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian 03 năm liên tục gần nhất; Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích hoặc đang bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời gian thi hành kỷ luật;

c) Đối với trường hợp công chức cơ quan thi hành án dân sự thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này đăng ký thi tuyển vào ngạch Chấp hành viên sơ cấp của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc những công chức ngoài các cơ quan thi hành án dân sự khi đăng ký dự thi phải được cơ quan, đơn vị mà người đăng ký dự thi đang công tác đồng ý cho tham dự thi tuyển. Khuyến khích công chức cơ quan thi hành án dân sự thuộc các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển đăng ký dự thi tuyển làm Chấp hành viên sơ cấp tại cơ quan thi hành án dân sự ở biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Hồ sơ đăng ký dự thi thực hiện theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, Kế hoạch thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp của Bộ Tư pháp và hướng dẫn của Tổng cục Thi hành án dân sự.

Đơn đăng ký tham dự thi tuyển theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 56. Sơ tuyển ngạch Chấp hành viên sơ cấp

1. Tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự thực hiện sơ tuyển đối với những người được đề nghị hoặc đăng ký tham dự thi tuyển ngạch Chấp hành viên sơ cấp tại địa phương mình.

Tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng thực hiện sơ tuyển đối với những người được đề nghị tham dự thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp thuộc Phòng Thi hành án cấp quân khu.

2. Nội dung sơ tuyển:

a) Kiểm tra tính hợp lệ của Hồ sơ tham dự thi tuyển;

b) Kiểm tra điều kiện tham dự thi tuyển của người tham dự thi tuyển;

c) Đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, thể chất của người dự thi tuyển theo yêu cầu, nhiệm vụ thi hành án dân sự;

3. Sau khi sơ tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều này, tập thể lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự đánh giá kết quả sơ tuyển theo hình thức đạt hoặc không đạt.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện sơ tuyển, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự phải thông báo kết quả sơ tuyển cho người được sơ tuyển và cơ quan nơi người đó công tác biết.

5. Trên cơ sở văn bản đề nghị của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự đối với cơ quan thi hành án dân sự hoặc Cục trưởng Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng đối với Phòng Thi hành án cấp quân khu, Tổng cục Thi hành án dân sự thẩm định hồ sơ tham dự thi tuyển, báo cáo Tổng cục trưởng xem xét, phê duyệt danh sách đủ điều kiện thi tuyển.

Điều 57. Hình thức thi và thời gian thi

Người đăng ký thi tuyển vào ngạch Chấp hành viên sơ cấp phải tham gia các bài thi, bao gồm:

1. Bài thi trắc nghiệm pháp luật về thi hành án dân sự, thời gian 45 phút.

2. Bài thi viết kỹ năng thi hành án dân sự, thời gian 180 phút.

Điều 58. Cách tính Điểm các bài thi

1. Bài thi được chấm theo thang Điểm 100.

2. Điểm các bài thi được tính như sau:

a) Bài thi viết kỹ năng thi hành án dân sự tính hệ số 2;

b) Bài thi trắc nghiệm pháp luật về thi hành án dân sự tính hệ số 1.

Điều 59. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp

Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có đủ các bài thi theo quy định tại Điều 57 Thông tư này;

2. Có số Điểm của mỗi bài thi (chưa nhân hệ số) đạt từ 50 Điểm trở lên;

3. Có tổng Điểm chung cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu Chấp hành viên sơ cấp của từng tỉnh, thành phố trực Trung ương.

Tổng Điểm chung = (Điểm bài thi viết kỹ năng thi hành án dân sự) x 2 + Điểm Bài thi trắc nghiệm pháp luật về thi hành án dân sự.

Công chức cơ quan thi hành án dân sự thuộc các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển đăng ký dự thi tuyển làm Chấp hành viên sơ cấp tại cơ quan thi hành án dân sự ở biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cộng thêm 10 Điểm vào tổng Điểm chung để xác định người trúng tuyển.

4. Trường hợp có 02 người trở lên có tổng Điểm chung bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì người có Điểm bài thi viết kỹ năng thi hành án dân sự cao hơn là người trúng tuyển. Nếu vẫn không xác định được người trúng tuyển thì Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự có văn bản báo cáo Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự để trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định người trúng tuyển.

5. Việc xác định người trúng tuyển Chấp hành viên sơ cấp trong quân đội không thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều này.

Điều 60. Thông báo và công nhận kết quả kỳ thi

1. Hội đồng thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp thông báo công khai kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự và thông báo bằng văn bản đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng để thông báo cho người dự thi.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục phúc khảo theo quy định, Hội đồng thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp phải báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp công nhận kết quả kỳ thi.

Điều 61. Bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp

1. Căn cứ Quyết định công nhận kết quả kỳ thi và chỉ tiêu Chấp hành viên sơ cấp đã phân bổ cho các đơn vị, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng yêu cầu người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ để bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp.

2. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp bao gồm:

a) Tờ trình bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp;

b) Sơ yếu lý lịch theo mẫu do Bộ Nội vụ ban hành có xác nhận của cơ quan quản lý công chức hoặc theo quy định của Bộ Quốc phòng đối với trường hợp bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp trong quân đội;

c) Giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên cấp còn trong thời hạn quy định;

d) Bản kê khai tài sản;

đ) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ có chứng thực.

3. Trên cơ sở đề nghị của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục trưởng Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp đối với những người trúng tuyển.

Trường hợp công chức cơ quan thi hành án dân sự thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này được xác định trúng tuyển tại cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định điều động, đồng thời bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp.

Trường hợp công chức không thuộc các cơ quan thi hành án dân sự trúng tuyển, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định tiếp nhận, đồng thời bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp.

Điều 62. Bổ nhiệm bổ sung Chấp hành viên sơ cấp

1. Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm bổ sung Chấp hành viên sơ cấp trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp người đã được xác định trúng tuyển nhưng không hoàn thiện đủ hồ sơ để bổ nhiệm hoặc không đến nhận công tác theo quy định thì bị hủy bỏ kết quả thi tuyển và người có kết quả thấp hơn liền kề cùng đơn vị đăng ký dự thi nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại các khoản 1, 2 Điều 59 Thông tư này được xác định trúng tuyển bổ sung để bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp.

b) Trường hợp những người đã thi tuyển có đủ điều kiện quy định tại các khoản 1, 2 Điều 59 Thông tư này nhưng nằm ngoài chỉ tiêu Chấp hành viên sơ cấp được phân bổ cho đơn vị mà người đó đã đăng ký thi tuyển, nếu có nguyện vọng thì được xem xét, xác định trúng tuyển bổ sung vào các đơn vị khác không có đủ người trúng tuyển theo chỉ tiêu được phân bổ để bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp. Trường hợp nhiều người cùng có nguyện vọng thì thứ tự xác định thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 59 Thông tư này.

2. Hồ sơ và thủ tục đề nghị bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp đối với các trường hợp tại điểm b khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 61 Thông tư này và bổ sung thêm các tài liệu sau:

a) Đơn trình bày nguyện vọng của người đề nghị được chuyển đến đơn vị còn chỉ tiêu và cam kết tình nguyện phục vụ từ 03 năm trở lên tại đơn vị đăng ký xét trúng tuyển bổ sung;

b) Văn bản đồng ý cho chuyển công tác của cơ quan quản lý công chức theo phân cấp.

Mục 2
HỒ SƠ BỔ NHIỆM CHẤP HÀNH VIÊN TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG QUA THI TUYỂN

Điều 63. Hồ sơ bổ nhiệm Chấp hành viên đối với trường hợp quy định tại các khoản 6, 7 Điều 18 Luật thi hành án dân sự

1. Hồ sơ bổ nhiệm Chấp hành viên đối với trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 18 Luật thi hành án dân sự bao gồm:

a) Tờ trình bổ nhiệm Chấp hành viên;

b) Sơ yếu lý lịch theo mẫu do Bộ Nội vụ ban hành có xác nhận của cơ quan quản lý công chức hoặc theo quy định của Bộ Quốc phòng đối với trường hợp bổ nhiệm Chấp hành viên trong quân đội;

c) Bản sao Quyết định của cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, Chấp hành viên (đối với những trường hợp đã từng là Chấp hành viên);

d) Giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên cấp còn trong thời hạn quy định;

đ) Bản kê khai tài sản;

e) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ có chứng thực;

g) Văn bản nhận xét, đánh giá và đồng ý cho chuyển công tác của Thủ trưởng đơn vị nơi công chức đó đang công tác;

h)[23] Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thi hành án dân sự đối với công chức đang công tác tại các cơ quan Thi hành án dân sự.

2. Hồ sơ bổ nhiệm Chấp hành viên đối với trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 18 Luật thi hành án dân sự bao gồm:

a) Các tài liệu theo quy định tại các điểm a, b, d, đ, e khoản 1 Điều này;

b) Tài liệu, giấy tờ xác định thời gian làm công tác pháp luật;

c) Văn bản thống nhất về chủ trương bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự của cấp ủy hoặc chính quyền địa phương theo phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 64. Hồ sơ bổ nhiệm Chấp hành viên đối với trường hợp quy định tại Điều 63 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP

1. Tờ trình của Hội đồng tuyển chọn Chấp hành viên;

2. Biên bản họp Hội đồng tuyển chọn Chấp hành viên;

3. Đơn đề nghị bổ nhiệm Chấp hành viên của công chức theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

4. Tài liệu quy định tại các điểm b, d, đ, e khoản 1 Điều 63 Thông tư này.

Mục 3
ĐIỀU ĐỘNG, BIỆT PHÁI CHẤP HÀNH VIÊN

Điều 65. Điều động, biệt phái Chấp hành viên

1. Tổng Cục trưởng, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tiến hành điều động, biệt phái Chấp hành viên từ đơn vị có khối lượng công việc ít đến đơn vị có khối lượng công việc nhiều trong phạm vi thẩm quyền được Bộ trưởng Bộ Tư pháp phân cấp theo quy định.

2. Chấp hành viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian thực hiện điều động, biệt phái sẽ được ưu tiên xem xét khi tiến hành quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Mục 4
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BỔ NHIỆM THẨM TRA VIÊN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 66. Đối tượng và nguyên tắc bổ nhiệm

1. Công chức hệ thống tổ chức thi hành án dân sự, đang giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở lên tại các vị trí việc làm có yêu cầu trình độ Cử nhân Luật.

2. Công chức các cơ quan khác được tiếp nhận về hệ thống tổ chức thi hành án dân sự, đang giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở lên tại các vị trí việc làm có yêu cầu trình độ Cử nhân Luật.

3. Không được bổ nhiệm ngạch Thẩm tra viên thi hành án dân sự đối với công chức đang giữ ngạch thấp hơn.

Điều 67. Hội đồng kiểm tra, sát hạch và nội dung kiểm tra, sát hạch

1. Cơ quan quản lý công chức quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với công chức được dự kiến bổ nhiệm sang các ngạch Thẩm tra viên, bao gồm:

a) Hội đồng kiểm tra, sát hạch để chuyển ngạch Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp của Tổng cục Thi hành án dân sự gồm 05 thành viên: Chủ tịch Hội đồng là 01 Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, các ủy viên gồm có 03 lãnh đạo đại diện các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, 01 lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ (kiêm Thư ký Hội đồng);

b) Hội đồng kiểm tra, sát hạch để chuyển ngạch Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp của các cơ quan thi hành án dân sự địa phương gồm 05 thành viên: Chủ tịch Hội đồng là Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, các ủy viên gồm có 01 lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, 01 lãnh đạo Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, 01 Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự, 01 lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ (kiêm Thư ký Hội đồng).

2. Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiến hành kiểm tra, sát hạch về trình độ, năng lực của công chức được dự kiến bổ nhiệm sang các ngạch Thẩm tra viên để tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan quản lý công chức báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm ngạch Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp.

3. Công chức đang giữ một trong các ngạch Chấp hành viên sơ cấp, Chấp hành viên trung cấp, Chấp hành viên cao cấp khi bổ nhiệm sang các ngạch Thẩm tra viên tương đương thì không phải kiểm tra, sát hạch.

Chương V
THẺ CHẤP HÀNH VIÊN, THẺ THẨM TRA VIÊN VÀ TRANG PHỤC, PHÙ HIỆU, CẤP HIỆU

Điều 68. Nguyên tắc quản lý, sử dụng

1. Người làm công tác thi hành án dân sự phải mặc trang phục có gắn bảng tên, phù hiệu, cấp hiệu thi hành án dân sự tại công sở và trong khi thi hành công vụ theo đúng chức vụ, chức danh đang đảm nhiệm.

2. Việc cấp phát, quản lý, sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, Thẻ Chấp hành viên, Thẻ Thẩm tra viên thi hành án phải đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng chế độ theo quy định của pháp luật.

3. Nghiêm cấm việc sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, Thẻ Chấp hành viên, Thẻ Thẩm tra viên thi hành án để thực hiện các hành vi trái pháp luật.

Điều 69. Mẫu, nội dung Thẻ Chấp hành viên

1[24]. Thẻ Chấp hành viên có chiều dài 86 mm, chiều rộng 54 mm, được sản xuất bằng chất liệu nhựa.

2. Mặt trước Thẻ có nền màu đỏ, in mờ hoa văn hình trống đồng, trên cùng là dòng chữ "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" màu vàng; ở giữa là hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phía dưới Quốc huy là dòng chữ "THẺ CHẤP HÀNH VIÊN" màu vàng.

3. Mặt sau Thẻ có màu kem hồng, giữa Thẻ có in mờ hoa văn hình trống đồng, ở giữa có một gạch chéo màu đỏ kéo dài từ mép trên đến hết mép dưới của Thẻ, giữa gạch chéo có một ngôi sao vàng.

Phía trên góc trái có dòng chữ "BỘ TƯ PHÁP", dưới dòng chữ là hình biểu trưng ngành Tư pháp, dưới biểu trưng ngành là ảnh của Chấp hành viên mặc trang phục, phù hiệu, cấp hiệu của ngạch Chấp hành viên đang giữ, cỡ 2 x 3 cm, có giáp lai bằng dấu nổi ở góc dưới bên phải ảnh, dưới ảnh là các nội dung về số hiệu thẻ.

Phía trên cùng bên phải là Quốc hiệu nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; dưới Quốc hiệu có dòng chữ "THẺ CHẤP HÀNH VIÊN"; tiếp theo là các nội dung về họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; chức danh, chức vụ; đơn vị công tác; ngày, tháng, năm cấp Thẻ; chữ ký, họ tên của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

4. Chi tiết mẫu Thẻ Chấp hành viên tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 70. Mẫu, nội dung Thẻ Thẩm tra viên thi hành án

1[25]. Thẻ Thẩm tra viên có chiều dài 86 mm, chiều rộng 54 mm, được sản xuất bằng chất liệu nhựa.

2. Mặt trước Thẻ có nền màu xanh sẫm, in mờ hoa văn hình trống đồng, trên cùng là dòng chữ "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" màu vàng; ở giữa là hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phía dưới Quốc huy là dòng chữ "THẺ THẨM TRA VIÊN" màu vàng.

3. Mặt sau Thẻ có màu xanh nhạt, giữa Thẻ có in mờ hoa văn hình trống đồng, ở giữa có một gạch chéo màu đỏ kéo dài từ mép trên đến hết mép dưới của Thẻ, giữa gạch chéo có một ngôi sao vàng.

Phía trên góc trái có dòng chữ "BỘ TƯ PHÁP", dưới dòng chữ là hình biểu tượng ngành Tư pháp, dưới biểu trưng ngành là ảnh của Thẩm tra viên cỡ 2 x 3 cm, có giáp lai bằng dấu nổi ở góc dưới bên phải ảnh, dưới ảnh là các nội dung về số hiệu thẻ.

Phía trên cùng bên phải là Quốc hiệu nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; dưới Quốc hiệu có dòng chữ "THẺ THẨM TRA VIÊN"; tiếp theo là các nội dung về họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; chức danh, chức vụ; đơn vị công tác; ngày, tháng, năm cấp Thẻ; chữ ký, họ tên của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

4. Chi tiết mẫu Thẻ Thẩm tra viên tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 71. Trang phục nam

1. Áo thu đông mặc ngoài

a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;

b) Kiểu dáng là kiểu áo khoác bốn túi, bốn cúc; ve cổ kiểu chữ V, lá cổ trên có khuyết cài phù hiệu; cúc áo bằng kim loại mạ màu vàng, có in dập biểu tượng ngành thi hành án dân sự; áo có hai túi ốp trên và hai túi ốp dưới, nắp túi hơi lượn cong, bị túi lượn tròn, giữa bị túi có xúp chìm, phía trên chính giữa nắp túi áo trái có hai khuyết để cài biển tên; vai áo có hai đỉa vai; vạt áo vuông; tay áo làm bác tay rộng 9 cm, sống áo có xẻ sau; ngực áo và thân áo có ép keo mùng, trên vai áo có chũi hai lớp canh tóc; áo được lót thân trước, thân sau, tay áo; vải lót đồng màu với màu của áo; toàn bộ ve áo, cổ áo, nẹp áo, túi áo, bác tay diễu hai đường may.

2. Quần thu đông, quần xuân hè mặc ngoài

a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;

b) Kiểu dáng là quần âu kiểu ống đứng; thân trước một ly xếp, hai túi chéo, thân sau có chiết một ly, hai túi hậu cài khuy nhựa (miệng túi hậu 1 cm); cửa quần có khóa kéo, đầu cạp có một móc và một cúc hãm trong, cạp có quai nhê, có một móc và một khuy; quần có sáu đỉa chia đều.

3. Áo sơ mi dài tay

a) Màu sắc là vải màu trắng;

b) Kiểu dáng là kiểu cổ đức có chân; nẹp áo bong; cúc áo bằng nhựa in dập chữ viết tắt ngành thi hành án dân sự, màu của cúc cùng màu với màu của áo; có một túi bên trái, đáy túi vát góc; thân sau cầu vai chiết ly hai bên, gấu áo lượn tôm 5 cm; tay áo có măng séc, có một cúc chính và một cúc phụ bên cạnh; cổ áo, nẹp áo, măng séc tay, gấu áo may diễu một đường 0,5 cm.

4. Áo xuân hè mặc ngoài

a) Màu sắc là vải màu ghi sáng;

b) Kiểu dáng là áo kiểu cổ đức có chân; ve cổ có khuyết cài phù hiệu; cúc áo bằng nhựa in dập chữ viết tắt ngành thi hành án dân sự, màu của cúc cùng với màu của áo; áo có hai túi ốp trên, giữa bị túi có một xúp nổi 3 cm, nắp trái đào và khuy cài, phía trên chính giữa nắp túi áo trái có hai khuyết để cài biển tên; vai áo có hai đỉa vai; tay áo gập gấu lơ vê; thân sau cầu vai chiết ly hai bên; vạt áo lượn tôm 5 cm; cổ áo và túi áo đều diễu hai đường may.

5. Áo khoác ngoài mùa đông

a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;

b) Kiểu dáng là áo kiểu cài thẳng ba cúc; ve cổ hình chữ K (ve thụt, cổ thò); thân trước có đề cúp ngực, thân sau có cầu vai, xẻ sau; phía trong áo có túi lót, phía ngoài áo có dây lưng vải; hai túi cơi làm chéo; có cá tay đầu nhọn đính một cúc; các đường diễu nổi tám ply, vai áo có hai đỉa vai; ngực áo, tay áo đính cúc 2,5 cm; có hai túi lót kiểu hai viền; toàn bộ thân áo được dựng canh tóc.

6. Áo chống rét mùa đông

a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;

b) Kiểu dáng là áo bông ba lớp, kiểu áo khoác lửng dài tay, hai cổ, cổ trong có khóa kéo, cổ ngoài bẻ chữ K; nẹp áo có bốn cúc cùng màu với màu vải áo, vạt vuông; áo có hai túi, hai túi trên ốp ngoài, nắp nhọn ba cạnh cài cúc đồng, bị túi lượn tròn, giữa bị túi có đố túi, hai túi dưới bổ, cơi túi chéo rộng 3,8 cm; vai áo có hai đỉa vai; tay áo xuông tròn, phía lần trong lót có bo len, có cá tay; toàn bộ ve áo, cổ áo, nẹp áo, túi áo, cá tay đều diễu hai đường may song song; hai bên sườn xanh

tê có dây đeo, đai áo rộng 4 cm; thân sau có đề cúp liền áo; vải lót toàn thân áo đồng màu với vải chính, giữa lần ngoài và lần lót thân là lớp bông loại 100 gram, giữa lần ngoài và lần lót tay là lớp bông loại 80 gram, giữa lần ngoài và lần lót nẹp, cổ, nắp túi, bật vai, cá tay là lớp bông 40 gram.

7. Chi tiết mẫu Trang phục nam tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 72. Trang phục nữ

1. Áo thu đông mặc ngoài

a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;

b) Kiểu dáng là kiểu áo khoác hai túi, bốn cúc; ve áo kiểu chữ V, lá cổ trên có khuyết cài phù hiệu; cúc áo bằng kim loại mạ màu vàng, có in dập biểu tượng ngành thi hành án dân sự; phía trên chính giữa ngực trái có hai khuyết để cài biển tên; hai túi dưới bổ cơi có nắp, nắp túi hơi lượn cong, thân túi chìm; vai áo có hai đỉa vai; vạt áo vuông; tay áo có làm bác tay rộng 7 cm; sống áo có xẻ sau; thân áo có ép keo mùng; áo được lót thân trước, thân sau, tay áo; vải lót đồng màu với màu của áo; toàn bộ ve áo, cổ áo, nẹp áo, túi áo, bác tay diễu hai đường may.

2. Quần thu đông và quần xuân hè mặc ngoài

a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;

b) Kiểu dáng là dáng quần âu kiểu suông đứng, quần cạp 4 cm, hai túi chéo, thân sau có chiết một ly; cửa quần có khóa kéo, cạp có quai nhê, có một khuy, một móc; quần có năm đỉa chia đều.

3. Áo sơ mi dài tay

a) Màu sắc là vải màu trắng;

b) Kiểu dáng là kiểu cổ đức có chân; nẹp áo bong; cúc áo bằng nhựa in dập chữ viết tắt ngành thi hành án dân sự, màu của cúc cùng với màu của áo; thân chiết bốn ly, có hai ly ven ngực; gấu áo lượn tôm 5 cm; tay áo có măng séc 7 cm, cài 2 khuy, có bổ thép tay (có xếp một ly tay); toàn bộ cổ áo, nẹp áo, măng séc may mí một đường, gấu áo may cuộn 0,5 cm.

4. Áo xuân hè mặc ngoài

a) Màu sắc: Vải màu ghi sáng;

b) Kiểu dáng là kiểu thân áo bẩy mảnh, hai túi, bốn cúc; ve cổ hình chữ K (ve thụt, cổ thò), lá cổ trên có khuyết cài phù hiệu; cúc áo bằng nhựa in dập biểu tượng ngành thi hành án dân sự, màu của cúc cùng với màu của áo; phía trên chính giữa ngực trái có hai khuyết để cài biển tên; áo có hai túi dưới, nắp túi lượn cong, đáy túi vát góc, giữa bị túi có một xúp nổi 3 cm; có hai đỉa cầu vai; gấu áo bằng, gấu tay áo may gấp lơ vê; toàn bộ cổ áo, túi áo có diễu hai đường may.

5. Áo khoác ngoài mùa đông

a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;

b) Kiểu dáng là áo kiểu cài thẳng ba cúc; ve cổ hình chữ K (ve thụt, cổ thò); thân trước có đề cúp ngực, thân sau có cầu vai, xẻ sau; phía trong áo có túi lót, phía ngoài áo có dây lưng vải; hai túi cơi làm chéo; có cá tay đầu nhọn đính một cúc; các đường diễu nổi tám ply, vai áo có hai đỉa vai; ngực áo, tay áo đính cúc 2,5 cm; có hai túi lót kiểu hai viền; toàn bộ thân áo được dựng canh tóc.

6. Áo chống rét mùa đông

a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;

b) Kiểu dáng là áo bông ba lớp, kiểu áo khoác lửng dài tay, hai cổ, cổ trong có khóa kéo, cổ ngoài bẻ chữ K; nẹp áo có bốn cúc cùng màu với màu vải áo, vạt vuông; áo có hai túi dưới bổ, cơi túi chéo rộng 3,8 cm; vai áo có hai đỉa vai; tay áo xuông tròn, phía lần trong lót có bo len, có cá tay; toàn bộ ve áo, cổ áo, nẹp áo, túi áo, cá tay đều có hai đường may diễu song song; hai bên sườn xanh tê có dây đeo, đai áo rộng 4 cm; thân sau có đề cúp liền áo; vải lót toàn thân áo đồng màu với vải chính, giữa lần ngoài và lần lót thân là lớp bông loại 100 gram, giữa lần ngoài và lần lót tay là lớp bông loại 80 gram, giữa lần ngoài và lần lót nẹp, cổ, nắp túi, bật vai, cá tay là lớp bông 40 gram.

7. Chi tiết mẫu Trang phục nữ tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 73. Lễ phục nam

1. Lễ phục mùa đông:

a) Áo lễ phục mùa đông có màu sắc là vải màu trắng kem. Kiểu dáng là kiểu áo khoác bốn túi, bốn cúc; cổ ve vuông, bản cổ to, lá cổ trên có khuyết cài phù hiệu; cúc áo bằng kim loại mạ màu vàng, có in dập biểu tượng ngành thi hành án dân sự; hai túi trên và hai túi dưới ốp ngoài, có nắp, nắp túi hơi lượn cong, đáy túi vát góc, giữa bị túi có súp chìm; phía trên chính giữa nắp túi áo trái có hai khuyết để cài biển tên; vai áo có hai đỉa vai; vạt áo vuông; tay áo suông tròn, tay áo làm bác tay rộng 9 cm; sống áo có xẻ sau; ngực áo và thân áo có ép keo mùng, trên vai áo có chũi hai lớp canh tóc; áo được lót toàn bộ thân trước, thân sau, tay áo; vải lót toàn thân đồng màu với màu của áo; toàn bộ ve áo, cổ áo, nẹp áo, túi áo, bác tay diễu hai đường may.

b) Áo sơ mi lễ phục mùa đông có màu sắc là vải màu trắng. Kiểu dáng là cổ đức có chân; nẹp áo bong; cúc áo bằng nhựa in dập chữ viết tắt ngành thi hành án dân sự, màu cúc cùng với màu của áo; áo có một túi ngực trái, đáy túi vát góc; thân sau cầu vai chiết ly hai bên; vạt áo lượn tôm 5 cm, tay áo có măng séc 7 cm, cài hai khuy, có bổ thép tay (có xếp một ly tay).

2. Áo lễ phục mùa hè có màu sắc là vải màu trắng kem. Kiểu dáng là kiểu áo bốn túi, bốn cúc; ve áo kiểu chữ V, bản cổ to, lá cổ trên có khuyết cài phù hiệu; cúc áo bằng kim loại mạ màu vàng, có in dập biểu tượng ngành thi hành án dân sự; hai túi trên và hai túi dưới ốp ngoài, có nắp, nắp túi hơi lượn cong, đáy túi vát góc, giữa bị túi có súp chìm; phía trên chính giữa nắp túi áo trái có hai khuyết để cài biển tên; vai áo có hai đỉa vai; vạt áo vuông; tay áo suông tròn, tay áo gập gấu lơ vê; sống áo có xẻ sau; toàn bộ ve áo, cổ áo, nẹp áo, túi áo diễu hai đường may.

3. Quần lễ phục có màu sắc là vải màu trắng kem. Kiểu dáng là quần âu kiểu ống đứng; thân trước một ly xếp, hai túi chéo, thân sau có chiết một ly, hai túi hậu cài khuy nhựa (miệng túi hậu 1 cm); cửa quần có khóa kéo, đầu cạp có một móc và một cúc hãm trong, cạp có quai nhê, có một móc và một khuy; quần có sáu đỉa chia đều.

4. Chi tiết mẫu Lễ phục nam tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 74. Lễ phục nữ

1. Lễ phục mùa đông:

a) Áo lễ phục nữ có màu sắc là vải màu trắng kem. Kiểu dáng là kiểu áo khoác có hai túi, bốn cúc, thân áo bổ bẩy mảnh; cổ ve vếch nhẹ, lá cổ trên có khuyết cài phù hiệu; cúc áo bằng kim loại mạ màu vàng, có in dập biểu tượng ngành thi hành án dân sự; phía trên chính giữa ngực trái có hai khuyết để cài biển tên; hai túi dưới bổ cơi có nắp, nắp túi hơi lượn cong, thân túi chìm; vai áo có hai đỉa vai; vạt áo vuông; tay áo suông tròn, có làm bác tay rộng 7 cm, sống áo có xẻ sau; thân áo có ép keo mùng; áo được lót toàn bộ thân trước, thân sau, tay áo; vải lót toàn thân đồng màu với màu của áo; toàn bộ ve áo, cổ áo, nẹp áo, túi áo, bác tay diễu hai đường may.

b) Áo sơ mi lễ phục mùa đông có màu sắc là vải màu trắng. Kiểu dáng là kiểu cổ đức có chân; nẹp áo bong; cúc áo bằng nhựa in dập chữ viết tắt ngành thi hành án dân sự, màu của cúc cùng với màu của áo; thân chiết bốn ly, có hai ly ven ngực; gấu áo lượn tôm 5 cm; tay áo có măng séc 7 cm, cài hai khuy, có bổ thép tay (có xếp một ly tay); toàn bộ cổ áo, nẹp áo, măng séc may mí một đường, gấu áo may cuộn 0,5 cm.

2. Áo lễ phục mùa hè có màu sắc là vải màu trắng kem. Kiểu dáng là kiểu áo có hai túi, bốn cúc, thân áo bổ bẩy mảnh; cổ ve vếch nhẹ, lá cổ trên có khuyết cài phù hiệu; cúc áo bằng kim loại mạ màu vàng, có in dập biểu tượng ngành thi hành án dân sự; phía trên chính giữa ngực trái có hai khuyết để cài biển tên; hai túi dưới bổ cơi có nắp, nắp túi hơi lượn cong, thân túi chìm; vai áo có hai đỉa vai; vạt áo vuông; tay áo suông tròn, tay áo gập gấu vào trong may một đường 3 cm; sống áo có xẻ sau; toàn bộ ve áo, cổ áo, nẹp áo, túi áo diễu hai đường may.

3. Quần lễ phục có màu sắc là vải màu trắng kem. Kiểu dáng là dáng quần âu kiểu suông đứng, quần cạp 4 cm, hai túi chéo, thân sau có chiết một ly; cửa quần có khóa kéo, cạp có quai nhê, có một khuy, một móc; quần có năm đỉa chia đều.

4. Chi tiết mẫu Lễ phục nữ tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 75. Mũ Kê pi

1. Màu sắc gồm 2 loại theo màu áo thu đông mặc ngoài và màu áo lễ phục mùa đông.

2. Kiểu dáng là mũ có thành cong, đỉnh và cầu mũ được làm bằng cùng một loại vải, phía trước có lưỡi trai bằng nhựa màu đen bóng, thấp dần về phía trước; mũ có dây cooc đông mầu vàng, hai đầu được đính bằng cúc kim loại mầu vàng, trên mặt cúc có hình ngôi sao năm cánh nổi; phía trước cầu mũ có đục ôzê chính giữa; hai bên thành mũ có đục bốn ôzê; thành mũ phía trước được dựng bằng nhựa mỏng; lót cầu mũ làm bằng vải tráng nhựa, phía trong được gắn với bọt xốp.

3. Chi tiết mẫu Mũ kê pi tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 76. Cơlavát

1. Màu sắc là màu xanh rêu sẫm.

2. Cơlavát có độ dài, rộng vừa phải; kiểu thắt sẵn, có khóa kéo, có chốt hãm tự động.

3. Chi tiết mẫu Cơlavát tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 77. Bảng tên trên ngực áo

1. Bảng tên trên ngực áo hình chữ nhật có kích thước dài 81 mm, rộng 23 mm, chất liệu bằng đồng vàng tấm dày 0,6 mm, kim cài bằng hợp kim không gỉ, nền sơn màu xanh lam, xung quanh có đường viền màu vàng. Bên trái biển tên là hình biểu trưng ngành Thi hành án dân sự. Bên phải biển tên là dòng chữ "HỌ VÀ TÊN".

2. Chi tiết mẫu Biển tên trên ngực áo tại Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 78. Giầy da, thắt lưng da, mũ bảo hiểm thi hành án

1. Thắt lưng da có chất liệu bằng da, màu đen.

2. Giầy da có chất liệu bằng da, màu đen, có dây buộc.

3. Mũ bảo hiểm thi hành án là loại mũ bảo hiểm có màu xanh rêu sẫm, phía ngoài bên phải trên thân mũ có in dòng chữ "THI HÀNH ÁN DÂN SỰ".

Điều 79. Các loại trang phục khác

Các loại trang phục khác gồm có dép da, tất chân, áo mưa, cặp da đựng tài liệu do Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự (đối với công chức cơ quan Tổng cục Thi hành án dân sự), Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với công chức thuộc các cơ quan thi hành án dân sự địa phương) quyết định phù hợp với đặc điểm của từng địa phương theo mức, khung giá do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

Điều 80. Phù hiệu, cấp hiệu thi hành án dân sự

1. Mẫu phù hiệu, cấp hiệu thi hành án dân sự, đối tượng được cấp phù hiệu, cấp hiệu thực hiện theo quy định tại Điều 79, Điều 80, Điều 81 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP và theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư này.

2. Chi tiết mẫu phù hiệu, cấp hiệu thi hành án dân sự tại Phụ lục số 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 81. Quản lý kinh phí in, cấp, thu hồi Thẻ Chấp hành viên, Thẻ Thẩm tra viên thi hành án

1. Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý thống nhất Thẻ Chấp hành viên, Thẻ Thẩm tra viên thi hành án và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) In, quản lý phôi Thẻ Chấp hành viên, Thẻ Thẩm tra viên thi hành án;

b) Thực hiện in thông tin của người được cấp vào Thẻ, mở sổ theo dõi, quản lý số hiệu Thẻ; phối hợp với Văn phòng Bộ Tư pháp để đóng dấu Thẻ Chấp hành viên, Thẻ Thẩm tra viên thi hành án.

2. Văn phòng Bộ Tư pháp có trách nhiệm đóng dấu Thẻ Chấp hành viên, Thẻ Thẩm tra viên thi hành án sau khi kiểm tra đủ các thông tin liên quan đến việc cấp Thẻ do Tổng cục Thi hành án dân sự cung cấp.

3. Kinh phí in, mua phôi Thẻ Chấp hành viên, Thẻ Thẩm tra viên thi hành án do cấp có thẩm quyền giao trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm của Tổng cục Thi hành án dân sự.

4. Việc cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Thẻ Chấp hành viên, Thẻ Thẩm tra viên thi hành án được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án khi có Quyết định bổ nhiệm vào ngạch được cấp Thẻ để phục vụ công tác;

b) Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án đã được cấp Thẻ, khi có thay đổi chức danh hoặc thay đổi đơn vị công tác hoặc khi Thẻ bị hư hỏng thì được đổi Thẻ mới;

c) Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án đã được cấp Thẻ, nhưng bị mất thì phải báo cáo ngay cho Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý công chức đó biết và làm thủ tục cấp lại Thẻ.

5. Thủ tục cấp, đổi, cấp lại Thẻ Chấp hành viên, Thẻ Thẩm tra viên thi hành án được thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp nêu tại các điểm a, b khoản 4 Điều này, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng có trách nhiệm lập danh sách, kèm theo 02 ảnh mặc trang phục, phù hiệu, cấp hiệu của ngạch mới được bổ nhiệm, cỡ ảnh 2 x 3cm, gửi về Tổng cục Thi hành án dân sự để cấp, đổi Thẻ theo quy định.

Đối với trường hợp đổi Thẻ, sau khi nhận Thẻ mới, người được đổi Thẻ có trách nhiệm giao lại Thẻ cũ cho Thủ trưởng cơ quan nơi mình công tác để tiêu hủy;

b) Đối với trường hợp nêu tại điểm c khoản 4 Điều này, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng có trách nhiệm lập danh sách, Giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi Chấp hành viên, Thẩm tra viên công tác, kèm theo 02 ảnh mặc trang phục, phù hiệu, cấp hiệu của ngạch được bổ nhiệm, cỡ ảnh 2x3cm, gửi về Tổng cục Thi hành án dân sự để cấp lại Thẻ theo quy định.

6. Trường hợp Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án chuyển công tác sang cơ quan khác, bị kỷ luật hoặc vì lý do khác mà không còn là Chấp hành viên hoặc Thẩm tra viên thì có trách nhiệm nộp lại Thẻ cho Thủ trưởng cơ quan nơi mình công tác; trường hợp là Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thì nộp lại Thẻ cho Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

Điều 82. Quản lý, cấp phát, sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu

1. Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý thống nhất trang phục, phù hiệu, cấp hiệu của người làm công tác thi hành án dân sự.

Trang phục, phù hiệu, cấp hiệu của người làm công tác thi hành án dân sự bị hư hỏng, bị mất vì lý do khách quan thì được cơ quan cấp bổ sung. Trường hợp bị hư hỏng, bị mất vì lý do khác thì được cơ quan cấp nhưng người làm công tác thi hành án dân sự phải chịu toàn bộ kinh phí mua sắm.

2. Người làm công tác thi hành án dân sự bị mất trang phục, phù hiệu, cấp hiệu thi hành án dân sự phải kịp thời báo cáo lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi mình đang công tác. Trường hợp nghỉ thôi việc, bị kỷ luật buộc thôi việc, chuyển công tác khác thì phải nộp lại phù hiệu, cấp hiệu cho Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự đang quản lý trước khi chuyển công tác.

3. Khung mức giá mua sắm cho từng loại trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, Thẻ Chấp hành viên, Thẻ Thẩm tra viên thi hành án dân sự do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định. Kinh phí may sắm, cấp phát trang phục, phù hiệu, cấp hiệu thi hành án dân sự do ngân sách nhà nước cấp. Công tác lập dự toán, may sắm, cấp phát trang phục, phù hiệu, cấp hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định về phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

4. Niên hạn, cấp phát, sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP.

Niên hạn bảng tên trên ngực áo là 03 năm 01 cái, lần đầu được cấp 03 cái.

5. Trang phục, phù hiệu, cấp hiệu thi hành án dân sự được cấp phát như sau:

a) Tổng cục Thi hành án dân sự thống nhất cấp phát phù hiệu, cấp hiệu thi hành án trong toàn hệ thống thi hành án dân sự;

b) Giầy da, thắt lưng da, dép da, tất chân, áo mưa, cặp da đựng tài liệu của người làm công tác thi hành án dân sự thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự do Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự cấp phát, thuộc các cơ quan thi hành án dân sự địa phương do Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự cấp phát. Việc cấp phát thực hiện bằng tiền để người làm công tác thi hành án dân sự tự mua sắm trên cơ sở định mức khung giá, tiêu chuẩn và mẫu của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

c) Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm thực hiện mua sắm, cấp phát các trang phục còn lại cho người làm công tác thi hành án dân sự trực thuộc. Trường hợp cần thiết, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự có thể quyết định việc cấp phát bằng tiền để người làm công tác thi hành án dân tại Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan thi hành án dân sự tự mua sắm trên cơ sở định mức khung giá, tiêu chuẩn và mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

6. Việc thanh toán, quyết toán kinh phí mua sắm trang phục, phù hiệu, cấp hiệu của người làm công tác thi hành án dân sự thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7. Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự bảo đảm cấp phát trang phục, phù hiệu, cấp hiệu theo đúng nguyên tắc, chế độ; mở sổ sách để theo dõi, quản lý theo quy định.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 83. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc bổ nhiệm lần đầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc Cục Thi hành án dân sự và Chi cục Thi hành án dân sự phải tuân thủ các tiêu chuẩn quy định tại Thông tư này, trừ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 và điểm c khoản 2 Điều 11 được áp dụng sau 03 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự được bổ nhiệm trước ngày Thông tư số 13/2013/TT-BTP ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 11 năm 2013) mà chưa có trình độ cử nhân luật hoặc sau đại học chuyên ngành luật, nếu qua đánh giá vẫn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thì xem xét kéo dài việc thực hiện nhiệm vụ Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ thêm 03 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3[26]. Kể từ ngày 07 tháng 5 năm 2020, nhân sự được xem xét bổ nhiệm lần đầu đối với chức vụ Vụ trưởng các vụ nghiệp vụ thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn chung theo quy định của pháp luật còn phải đáp ứng điều kiện đã từng đảm nhiệm chức vụ Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự. Đơn vị đặc thù, có điều kiện tiêu chuẩn riêng, do cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Đối với các trường hợp đã được bổ nhiệm trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thủ trưởng đơn vị hàng năm có trách nhiệm bố trí, tạo điều kiện cho công chức đi đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này và các văn bản khác có liên quan. Nếu hết nhiệm kỳ giữ chức vụ mà không hoàn thiện được các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì sẽ không được xem xét bổ nhiệm lại, trừ các trường hợp kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu.

Điều 84. Bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo trong trường hợp đặc biệt

Trường hợp đặc biệt do nhu cầu cấp thiết kiện toàn chức vụ lãnh đạo cấp Vụ thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự, lãnh đạo cấp Phòng thuộc Cục Thi hành án dân sự, lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự mà nhân sự dự kiến bổ nhiệm có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện chung theo quy định của các luật, nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ Nội vụ có liên quan, nhưng chưa đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Bộ Tư pháp tại Thông tư này, thì cơ quan có thẩm quyền báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp (đối với Lãnh đạo các đơn vị thuộc Tổng cục và Lãnh đạo các Cục Thi hành án dân sự), Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự (đối với lãnh đạo cấp Phòng thuộc Cục, lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự) xem xét, quyết định.

Điều 85. Mẫu văn bản

Mẫu các văn bản áp dụng trong công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức được thực hiện theo Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 86. Hiệu lực thi hành[27]

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 5 năm 2017. Bãi bỏ Thông tư số 01/2011/TT-BTP ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mẫu, nguyên tắc cấp phát, sử dụng Thẻ Chấp hành viên, Thẻ Thẩm tra viên thi hành án và trang phục, phù hiệu, cấp hiệu công chức trong hệ thống thi hành án dân sự; Thông tư số 09/2012/TT-BTP ngày 01 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, cách chức, giáng chức công chức lãnh đạo cấp Vụ thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự; lãnh đạo Cục, lãnh đạo các phòng chuyên môn hoặc tương đương thuộc Cục Thi hành án dân sự; lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự; Thông tư số 10/2012/TT-BTP ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định

về tổ chức thi tuyển vào ngạch Chấp hành viên sơ cấp; Thông tư số 13/2013/TT-BTP ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định tiêu chuẩn chức danh công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc Cục Thi hành án dân sự và Chi cục Thi hành án dân sự.

2. Kể từ ngày Thông tư có hiệu lực thi hành, các trường hợp đang hoặc đã thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo quy định của Thông tư số 02/2017/TT-BTP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự tiếp tục được thực hiện theo quy định của Thông tư số 02/2017/TT-BTP cho đến khi có quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan thi hành án dân sự địa phương, Cục trưởng Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Tiến Dũng

---

[1] Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp."

[2] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[3] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[4] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[5] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[6] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[8] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[10] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[11] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[12] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[13] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[14] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[15] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[16] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[17] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[18] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[19] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[20] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[21] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[22] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019

[23] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019

[24] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[25] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[26] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

[27] Điều 3 Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2019 quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

2. Kể từ ngày Thông tư có hiệu lực thi hành, các trường hợp đang hoặc đã thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo quy định của Thông tư số 02/2017/TT-BTP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự tiếp tục được thực hiện theo quy định của Thông tư số 02/2017/TT-BTP cho đến khi có quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan thi hành án dân sự địa phương, Cục trưởng Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này."